

Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 12 năm 1977

Số bằng: 7Đ 559 bm Quyết định số: 1393/TTGa ngày 8 tháng 12 năm 1978

- 55 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOÀN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1968
Số bằng: UK 179 bm Quyết định số: 182/TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 56 Liệt sĩ: **LÊ HỮU TÚC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 8 năm 1974
Số bằng: TY 504 bm Quyết định số: 168/TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 57 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC LÂM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1977
Số bằng: 7A 444 bm Quyết định số: 1321/TTGa ngày 22 tháng 11 năm 1978
- 58 Liệt sĩ: **CAO VĂN BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 3 năm 1954
Số bằng: EZ 580 bp Quyết định số: 218/TTGa ngày 11 tháng 1 năm 1963
- 59 Liệt sĩ: **CAO QUANG LUẬT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1966
Số bằng: UD 945 bm Quyết định số: 149/TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 60 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH PHÁN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1966
Số bằng: BE 340 bm Quyết định số: 286/TTGa ngày 8 tháng 12 năm 1971
- 61 Liệt sĩ: **CAO XUÂN THẾ**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1974
Số bằng: SI 133 bm Quyết định số: 462/TTGa ngày 20 tháng 10 năm 1976
- 62 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ LỰC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1966
Số bằng: MK 791 bm Quyết định số: 196/TTGa ngày 13 tháng 8 năm 1970
- 63 Liệt sĩ: **NGUYỄN LƯƠNG CHÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 2 năm 1951
Số bằng: ZX 713 bp Quyết định số: 313/TTg ngày 12 tháng 1 năm 1960
- 64 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÀNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 6 năm 1975
Số bằng: BB 054 bt Quyết định số: 135/CTKT ngày 14 tháng 5 năm 1986

65 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN CÁT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 7 năm 1947
Số bằng: ZU 978 bp Quyết định số: 208/TTg ngày 9 tháng 6 năm 1960

66 Liệt sĩ: **CAO XUÂN HÙNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 11 năm 1967
Số bằng: 3H 586 bm Quyết định số: 58/TTga ngày 20 tháng 1 năm 1978

67 Liệt sĩ: **PHAN VĂN ĐẢN**

Cán bộ Hoạt động cách mạng, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 9 năm 1930
Số bằng: EX 364 cp Quyết định số: 525/QĐ-TTg ngày 2 tháng 7 năm 2002

68 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỀ**

Cán bộ Hoạt động cách mạng, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 9 năm 1930
Số bằng: EX 362 cp Quyết định số: 525/QĐ-TTg ngày 2 tháng 7 năm 2002

69 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THI**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 3 năm 1971
Số bằng: ĐQ 635 bm Quyết định số: 494/TTga ngày 9 tháng 12 năm 1972

70 Liệt sĩ: **LÊ SỸ KÍNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 1 năm 1973
Số bằng: QG 525 bm Quyết định số: 55/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976

71 Liệt sĩ: **LA THANH BÌNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1970
Số bằng: EH 767 bm Quyết định số: 121/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1973

72 Liệt sĩ: **NGUYỄN NAM CHÂU**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 1 năm 1975
Số bằng: UG 632 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

73 Liệt sĩ: **NGUYỄN NAM PHÚC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1968
Số bằng: PM 989 bm Quyết định số: 146/TTga ngày 15 tháng 9 năm 1969

- 74 Liệt sĩ: **THÁI BÁ THỤY**
Cán bộ Hoạt động cách mạng, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 9 năm 1930
Số bằng: EX 365 cp Quyết định số: 525/QĐ- TTg ngày 2 tháng 7 năm 2002
- 75 Liệt sĩ: **HỒ XUÂN NHẬT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1967
Số bằng: UE 375 bm Quyết định số: 177/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 76 Liệt sĩ: **HỒ XUÂN NGHĨA**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 9 năm 1966
Số bằng: 7Đ 697 bm Quyết định số: 1312/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978
- 77 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HẢO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thái, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 11 năm 1970
Số bằng: bt 075 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 23 tháng 3 năm 1972
- 78 Liệt sĩ: **HOÀNG NGHĨA VỘI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1972
Số bằng: EG 650 bm Quyết định số: 130/TTga ngày 12 tháng 4 năm 1973
- 79 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN THANG**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Minh, huyện huyện Bắc Bình, tỉnh Ninh Thuận, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 10 năm 1968
Số bằng: 4E 522 bm Quyết định số: 219/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1978
- 80 Liệt sĩ: **LƯU ĐỨC VIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 11 năm 1966
Số bằng: ĐK 950 bp Quyết định số: 25/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1973
- 81 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN DỸ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1953
Số bằng: HZ 232 bm Quyết định số: 113/TTga ngày 7 tháng 9 năm 1965
- 82 Liệt sĩ: **CHU VĂN THÌN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Hòa, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 10 năm 1972
Số bằng: VK 253 bm Quyết định số: 559/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1973
- 83 Liệt sĩ: **NGUYỄN KINH THÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Trung, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 09 tháng 5 năm 1968
Số bằng: BL 711 bm Quyết định số: 39 /TTga ngày 27 tháng 01 năm 1972

- 84 **Liệt sĩ: NGUYỄN XUÂN HƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Trung, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 4 năm 1970
Số bằng: HA 660 bm Quyết định số: 478 /TTga ngày 06 tháng 11 năm 1973
- 85 **Liệt sĩ: LÊ SỸ LƯU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 7 năm 1967
Số bằng: 8E 404 bm Quyết định số: 348/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1979
- 86 **Liệt sĩ: LÊ VĂN SAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1968
Số bằng: YP 526 bm Quyết định số: 459/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977
- 87 **Liệt sĩ: LÊ NGUYỄN HÒA**
Trợ lý Quân nhu Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1969
Số bằng: HT 820 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974
- 88 **Liệt sĩ: LÊ THANH BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc năm 1978
Số bằng: 9L 538 bt Quyết định số: 07/TTga ngày 5 tháng 1 năm 1980
- 89 **Liệt sĩ: TRẦN CƯƠNG**
Cán bộ Hoạt động cách mạng, Nguyên quán: xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 3 năm 1931
Số bằng: ZA 451 lp Quyết định số: 130/TTg ngày 4 tháng 1 năm 1959
- 90 **Liệt sĩ: NGÔ VĂN MAI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thông, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 1 năm 1966
Số bằng: BS 713 bm Quyết định số: 487/TTg ngày 6 tháng 11 năm 1976
- 91 **Liệt sĩ: TRẦN XUÂN PHÚ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Xá, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 5 năm 1975
Số bằng: Ty 481 bt Quyết định số: 468/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 92 **Liệt sĩ: BÙI ĐÌNH TÍCH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Xá, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 2 năm 1966
Số bằng: UR 869 bt Quyết định số: 449/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1977
- 93 **Liệt sĩ: NGUYỄN ĐÌNH THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Xá, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 12 năm 1987

Số bằng: CC 732 bt Quyết định số: 238/CTKT ngày 2 tháng 11 năm 1988

94 Liệt sĩ: **HOÀNG XUÂN LONG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 01 năm 1978

Số bằng: 7A 461 bt Quyết định số: 1321/TTga ngày 22 tháng 11 năm 1978

95 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT SƠN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1974

Số bằng: QN 001 bm Quyết định số: 56/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976

96 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC KỶ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952

Số bằng: HC 437 bp Quyết định số: 210/TTga ngày 10 tháng 6 năm 1972

97 Liệt sĩ: **PHẠM HỮU CẦU**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1968

Số bằng: UE 232 bm Quyết định số: 138/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

98 Liệt sĩ: **VÕ VĂN CỬ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 2 năm 1970

Số bằng: BL 318 bm Quyết định số: 17/TTga ngày 7 tháng 1 năm 1972

99 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH THI**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1972

Số bằng: NY 663 bm Quyết định số: 510/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1974

100 Liệt sĩ: **CAO KỶ**

Quản chủng Cách mạng, Nguyên quán: xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 3 năm 1931

Số bằng: ZC 005 cp Quyết định số: 124/TTga ngày 6 tháng 7 năm 1963

101 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN VINH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1972

Số bằng: KV 315 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 26 tháng 1 năm 1974

102 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOẠCH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 4 năm 1952

Số bằng: EZ 174 bp Quyết định số: 124/TTga ngày 7 tháng 6 năm 1963

103 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH CƯƠNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh

Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1974
Số bằng: UE 291 bm Quyết định số: 138/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

104 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRÍ PHÙNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1974
Số bằng: QL 357 bm Quyết định số: 41/TTga ngày 10 tháng 2 năm 1976

105 Liệt sĩ: **HÒ VẤN CÁT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1966
Số bằng: AG 929 bm Quyết định số: 81/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1971

106 Liệt sĩ: **VÕ VĂN SEN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Nhân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1969
Số bằng: YP 525 bm Quyết định số: 459/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977

107 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DUNG**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1968
Số bằng: bt 052 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 23 tháng 3 năm 1972

108 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH TẤN**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 3 năm 1975
Số bằng: TY 414 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

109 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG CA**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1972
Số bằng: PK 871 bm Quyết định số: 349/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1975

110 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NỘI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 8 năm 1950
Số bằng: ZX 783 bp Quyết định số: 313/TTg ngày 13 tháng 12 năm 1960

111 Liệt sĩ: **LÊ MINH TÂN**

Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 8E 514 bm Quyết định số: 367/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1979

112 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC BẰNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 5 năm 1950
Số bằng: XG 309 bp Quyết định số: 226/TTg ngày 5 tháng 1 năm 1958

113 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÂM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Mỹ, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 10 năm 1981
Số bằng: M 794 bt Quyết định số: 262/CTKT ngày 7 tháng 1 năm 1983

114 Liệt sĩ: **ĐẬU VĂN TAM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lam, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: HC 429 bp Quyết định số: 210/TTGa ngày 1 tháng 6 năm 1972

115 Liệt sĩ: **ĐẬU VĂN THIÊN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lam, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1954
Số bằng: HC 430 bp Quyết định số: 210/TTGa ngày 1 tháng 6 năm 1972

116 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN ĐÔNG**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1972
Số bằng: KL 861 bm Quyết định số: 573/TTGa ngày 17 tháng 12 năm 1973

117 Liệt sĩ: **DƯƠNG ĐÌNH ĐỨC**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1974
Số bằng: YP 693 bm Quyết định số: 692/TTGa ngày 04 tháng 7 năm 1977

118 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN THANH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1968
Số bằng: MI 073 bm Quyết định số: 117/TTGa ngày 11 tháng 5 năm 1970

119 Liệt sĩ: **ĐINH THỊ TỤNG**

Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 9 năm 1971
Số bằng: HM 892 cm Quyết định số: 417/TTGa ngày 05 tháng 10 năm 1972

120 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN XƯỚC**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 01 năm 1971
Số bằng: YE 980 bm Quyết định số: 514/TTGa ngày 03 tháng 6 năm 1977

121 Liệt sĩ: **NGÔ THỊ THU**

Đội viên tuyên truyền huyện, Nguyên quán: xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1972
Số bằng: BL 405 cm Quyết định số: 119/CTKT ngày 10 tháng 6 năm 1987

122 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẮNG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1972
Số bằng: LR 181 bm Quyết định số: 255/TTGa ngày 21 tháng 5 năm 1974

- 123 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ THÁI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 02 tháng 10 năm 1977
Số bằng: 7Đ 580 bt Quyết định số: 1393/TTga ngày 08 tháng 12 năm 1978
- 124 Liệt sĩ: **TRẦN TRUNG THỊNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 7 năm 1972
Số bằng: NK 259 bm Quyết định số: 345/TTga ngày 02 tháng 7 năm 1974
- 125 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN TY**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 02 tháng 5 năm 1967
Số bằng: QM 003 bm Quyết định số: 146/TTga ngày 15 tháng 9 năm 1969
- 126 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN PHÚC**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 01 tháng 10 năm 1972
Số bằng: OK 549 bm Quyết định số: 15/TTga ngày 18 tháng 01 năm 1978
- 127 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC KHOA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1966
Số bằng: NA 170 bm Quyết định số: 400/TTga ngày 02 tháng 8 năm 1983
- 128 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MAI**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1967
Số bằng: CQ 963 bm Quyết định số: 354/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1972
- 129 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THUYẾT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 07 tháng 01 năm 1952
Số bằng: XD 272 bp Quyết định số: 170/TTg ngày 01 tháng 4 năm 1958
- 130 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN CƯỜNG**
Công nhân lao động, Nguyên quán: xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 05 tháng 12 năm 1967
Số bằng: bm 700 cm Quyết định số: 245/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1968
- 131 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KIÊM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 2 năm 1967
Số bằng: AR 782 bm Quyết định số: 162/TTga ngày 06 tháng 7 năm 1971
- 132 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TÀN**
Cán bộ tuyên huấn, Nguyên quán: xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1975

Số bằng: MM 781 bm Quyết định số: 484/TTg ngày 6 tháng 1 năm 1976

133 Liệt sĩ: **HỒ MẠNH ĐÀN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 1 năm 1975

Số bằng: YZ 755 bm Quyết định số: 808/TTg ngày 3 tháng 8 năm 1977

134 Liệt sĩ: **HỒ VINH THIÊN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 3 năm 1975

Số bằng: SR 638 bm Quyết định số: 557/TTg ngày 31 tháng 12 năm 1976

135 Liệt sĩ: **HỒ SỸ TÙNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1952

Số bằng: ZF 009 bm Quyết định số: 171/TTg ngày 4 tháng 3 năm 1957

136 Liệt sĩ: **ĐINH NHỎ MÃO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1974

Số bằng: RA 433 bm Quyết định số: 168/TTg ngày 5 tháng 5 năm 1976

137 Liệt sĩ: **HỒ VĂN SỨC**

Tiểu đoàn trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1975

Số bằng: SH 325 bm Quyết định số: 461/TTg ngày 21 tháng 10 năm 1976

138 Liệt sĩ: **HOÀNG NGHĨA NHU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Long, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 5 năm 1950

Số bằng: LC 762 kp Quyết định số: 440/TTga ngày 28 tháng 8 năm 1974

139 Liệt sĩ: **PHẠM NIÊM HOẶC VIÊM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Long, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 6 năm 1954

Số bằng: EZ 226 bp Quyết định số: 125/TTga ngày 17 tháng 6 năm 1963

140 Liệt sĩ: **PHẠM MINH KHAI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Long, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1971

Số bằng: ZM 276 bm Quyết định số: 430/TTg ngày 6 tháng 9 năm 1985

141 Liệt sĩ: **LÊ CHONG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Long, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 11 năm 1952

Số bằng: HC 438 bp Quyết định số: 210/TTga ngày 16 tháng 6 năm 1972

142 Liệt sĩ: **HOÀNG NGHĨA SỸ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Khánh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh

Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 1 năm 1954
Số bằng: ZU 582 bp Quyết định số: 152/TTg ngày 7 tháng 2 năm 1960

143 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN NAM**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 05 tháng 10 năm 1986
Số bằng: BN 547 bt Quyết định số: 59/TTg ngày 15 tháng 7 năm 1987

144 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ TÀI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 5 năm 1952
Số bằng: ZF 011 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957

145 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH TÂM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 04 tháng 10 năm 1953
Số bằng: GS 341 bp Quyết định số: 107/TTg ngày 02 tháng 02 năm 2005

146 Liệt sĩ: **LÊ MUU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 04 tháng 7 năm 1930
Số bằng: ZC 015 bp Quyết định số: 125/TTg ngày 17 tháng 6 năm 1963

147 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIỀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 7 năm 1967
Số bằng: IM 392 bm Quyết định số: 7/TTg ngày 22 tháng 7 năm 1987

148 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG VINH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 01 năm 1968
Số bằng: OM 660 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 07 tháng 12 năm 1969

149 Liệt sĩ: **VÕ CÔNG LỄ**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 10 năm 1952

Số bằng: HC 372 bp Quyết định số: 210/TTg ngày 06 tháng 01 năm 1972

150 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VÕ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 4 năm 1951
Số bằng: ZL 297 bp Quyết định số: 283/TTg ngày 06 tháng 6 năm 1958

151 Liệt sĩ: **LÊ THÀNH**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 12 tháng 8 năm 1930
Số bằng: BC 285 kp Quyết định số: 132/TTga ngày 18 tháng 4 năm 1972

- 152 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỆ**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Hùng Tiến, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 06 tháng 01 năm 1948
Số bằng: DE 655 kp Quyết định số: 27/TTg ngày 13 tháng 01 năm 1997
- 153 Liệt sĩ: **NGÔ ĐỨC CHÁT**
Công nhân quốc phòng, Nguyên quán: xã Hưng Yên, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 6 năm 1966
Số bằng: NM 449 cm Quyết định số: 11/TTGa ngày 10 tháng 01 năm 1976
- 154 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Hòa, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 4 năm 1979
Số bằng: 9Q 738 bt Quyết định số: 468/TTGa ngày 4 tháng 7 năm 1980
- 155 Liệt sĩ: **VƯƠNG ĐÌNH QUANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Hòa, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9T 967 bt Quyết định số: 572/TTGa ngày 20 tháng 8 năm 1970
- 156 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ NIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Viên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 11 năm 1978
Số bằng: bt 493 bt Quyết định số: 1321/TTGa ngày 12 tháng 11 năm 1977
- 157 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÀNH LONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Vĩnh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1967
Số bằng: NK 190 bm Quyết định số: 345/TTGa ngày 27 tháng 2 năm 1974
- 158 Liệt sĩ: **LÊ NGUYỄN LƯU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Sơn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 9 năm 1948
Số bằng: ZM 578 bp Quyết định số: 461/TTGa ngày 25 tháng 10 năm 1953
- 159 Liệt sĩ: **PHẠM TÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Phúc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1972
Số bằng: KQ 909 bm Quyết định số: 34/TTGa ngày 17 tháng 1 năm 1974
- 160 Liệt sĩ: **CAO TIẾN MÃN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1969
Số bằng: AP 190 bm Quyết định số: 221/TTGa ngày 6 tháng 9 năm 1971
- 161 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Đức, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 1 năm 1974
Số bằng: PĐ 420 bm Quyết định số: 204 /TTGa ngày 27 tháng 5 năm 1975

- 162 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY CHƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Đức, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 8Y 132 bt Quyết định số: 731/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979
- 163 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN TỤY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Đức, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1969
Số bằng: ĐS 001 bm Quyết định số: 25/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1973
- 164 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐIỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Đức, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1971
Số bằng: CR 485 bm Quyết định số: 386/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1972
- 165 Liệt sĩ: **PHẠM HUỆ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Đức, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 3 năm 1952
Số bằng: ZX 743 bp Quyết định số: 313/TTga ngày 12 tháng 3 năm 1960
- 166 Liệt sĩ: **NGUYỄN DŨNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Đức, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 9 năm 1952
Số bằng: GZ 541 bp Quyết định số: 75/TTga ngày 6 tháng 5 năm 1964
- 167 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC VINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Đức, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 1 năm 1975
Số bằng: UB 888 bm Quyết định số: 167/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 168 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CÁN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kim, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 3 năm 1953
Số bằng: GZ 534 bp Quyết định số: 75/TTga ngày 6 tháng 5 năm 1964
- 169 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kim, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1968
Số bằng: ĐS 341 bm Quyết định số: 27/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1973
- 170 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY XUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kim, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1971
Số bằng: CQ 944 bm Quyết định số: 354/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1972
- 171 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỨC NGƯỠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kim, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969

Số bằng: SR 055 bm Quyết định số: 20/TTGa ngày 8 tháng 1 năm 1977

172 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC THÁI**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Phong, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 8 năm 1950

Số bằng: GN 825 bp Quyết định số: 950/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2004

173 Liệt sĩ: **VÕ KHẮC TỬ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thắng, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 1 năm 1952

Số bằng: ZU 610 bp Quyết định số: 152/QĐ-TTg ngày 2 tháng 7 năm 1960

174 Liệt sĩ: **PHAN TỬ KỶ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 3 năm 1972

Số bằng: NK 307 bm Quyết định số: 350/TTGa ngày 5 tháng 7 năm 1974

175 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU LỘC**

Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Lam, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1966

Số bằng: bm 255 bm Quyết định số: 135/TTGa ngày 2 tháng 8 năm 1957

176 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHIÊU**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 7 năm 1968

Số bằng: PM 998 bm Quyết định số: 146/TTGa ngày 15 tháng 9 năm 1969

177 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÂU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1970

Số bằng: GK 856 bm Quyết định số: 397/TTGa ngày 8 tháng 9 năm 1973

178 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Hùng, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 2 năm 1966

Số bằng: HZ 429 bm Quyết định số: 113/TTGa ngày 19 tháng 7 năm 1965

179 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯỜNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1968

Số bằng: OE 851 bm Quyết định số: 17/TTGa ngày 8 tháng 1 năm 1975

180 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRÁNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 1 năm 1972

Số bằng: HT 740 bm Quyết định số: 149/TTGa ngày 9 tháng 4 năm 1974

181 Liệt sĩ: **NGÔ SỸ THÔNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Xuân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ

An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 4 năm 1979
Số bằng: 4AA 358bt Quyết định số: 233/TTga ngày 12 tháng 6 năm 1981

182 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC VINH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1972
Số bằng: QK 389 bm Quyết định số: 18/TTga ngày 22 tháng 1 năm 1976

183 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TUẤT**

Cán bộ Đoàn địa chất, Nguyên quán: xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 2 năm 1979
Số bằng: HK 741 ct Quyết định số: 558/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1980

184 Liệt sĩ: **ĐINH BẠT QUYỀN**

Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Yên, Huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1973

Số bằng: KB 072 bm Quyết định số: 350/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1975

185 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÂN**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Ngọc, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 11 năm 1965
Số bằng: bt 244 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 23 tháng 3 năm 1972

186 Liệt sĩ: **NGUYỄN MỸ DỤC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 1 năm 1969
Số bằng: UD 361 bm Quyết định số: 165/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

187 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUỐC VIỆT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 7Đ 662 bt Quyết định số: 1312/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978

188 Liệt sĩ: **TRẦN TRUNG THÔNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Nhượng, huyện Cẩm Xuyên, Tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1966
Số bằng: NM 482 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1969

189 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU MINH**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1972
Số bằng: RA 446 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 5 tháng 5 năm 1976

190 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẢY**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Võ Liệt, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1968
Số bằng: BA 869 bm Quyết định số: 278/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1970

- 191 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC HIẾU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1966
Số bằng: IZ 177 bm Quyết định số: 131/TTga ngày 15 tháng 9 năm 1966
- 192 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TRƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1965
Số bằng: HZ 435 bm Quyết định số: 113/TTga ngày 19 tháng 7 năm 1965
- 193 Liệt sĩ: **PHAN VĂN DÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 10 năm 1969
Số bằng: MT 481 bm Quyết định số: 290/TTga ngày 9 tháng 12 năm 1970
- 194 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ANH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1972
Số bằng: KB 676 bm Quyết định số: 350/TTga ngày 3 tháng 12 năm 1973
- 195 Liệt sĩ: **TRƯƠNG XUÂN ĐÀO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hạ Sơn, huyện Nghi Hợp, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1974
Số bằng: SH 641 bm Quyết định số: 398/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976
- 196 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Vinh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 10 năm 1972
Số bằng: 7x 625 bm Quyết định số: 206/TTga ngày 30 tháng 3 năm 1972
- 197 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN ĐIỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Đội Cung, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1970
Số bằng: QK 466 bm Quyết định số: 18/TTga ngày 22 tháng 1 năm 1976
- 198 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH LÊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Võ Liệt, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 3 năm 1954
Số bằng: QZ 237 bp Quyết định số: 32/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1964
- 199 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN HỒNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Hòa, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1965
Số bằng: HZ 842 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 4 tháng 6 năm 1966
- 200 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH LƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Khánh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1968
Số bằng: YS 059 bm Quyết định số: 467/TTga ngày 25 tháng 5 năm 1977

- 201 Liệt sĩ: **ĐỖ HÒA BẮC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã bình Sơn, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 12 năm 1979
Số bằng: BB 002 bt Quyết định số: 73/CTKT ngày 19 tháng 5 năm 1986
- 202 Liệt sĩ: **NGUYỄN HÙNG TIẾN**
Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1975
Số bằng: TY 4,596 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 203 Liệt sĩ: **LÊ HỒNG LỊCH**
Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1972
Số bằng: VS 677 bm Quyết định số: 324/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 204 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NAM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1970
Số bằng: BN 322 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 29 tháng 2 năm 1972
- 205 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TRUNG**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1972
Số bằng: KQ 863 bm Quyết định số: 34/TTga ngày 17 tháng 1 năm 1974
- 206 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUẾ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 11 năm 1975
Số bằng: VS 971 bt Quyết định số: 395/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 207 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH VÂN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 3 năm 1972
Số bằng: EG 641 bm Quyết định số: 130/TTga ngày 4 tháng 12 năm 1973
- 208 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÒA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 6 năm 1978
Số bằng: 8G 862 bt Quyết định số: 585/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979
- 209 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU PHÚ**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 1 năm 1979
Số bằng: GT 918 bt Quyết định số: 572/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1980
- 210 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐỨC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 6 năm 1966

Số bằng: GP 716 bm Quyết định số: 347/TTga ngày 8 tháng 11 năm 1973

211 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH NGUYỄN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1969

Số bằng: GK 910 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 9 tháng 8 năm 1973

212 Liệt sĩ: **ĐINH HỮU MÀY**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 7 năm 1968

Số bằng: MB 548 bm Quyết định số: 58/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

213 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH DUYỆT**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Liên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 7 năm 1968

Số bằng: bt 056 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 23 tháng 3 năm 1970

214 Liệt sĩ: **ĐÀO ĐỨC LỢI**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lam Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1972

Số bằng: GP 765 bm Quyết định số: 347/TTga ngày 11 tháng 8 năm 1973

215 Liệt sĩ: **NGÔ CHU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1947

Số bằng: XA 372 bp Quyết định số: 551/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1957

216 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH SỬU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đô, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1972

Số bằng: LA 894 bm Quyết định số: 213/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

217 Liệt sĩ: **ĐẠU HUY CHÁT**

Trợ lý hậu cần, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1971

Số bằng: GK 868 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1973

218 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÁO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Ân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1970

Số bằng: ĐS 332 bm Quyết định số: 27/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1973

219 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN AN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Ân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 2 năm 1949

Số bằng: HC 505 bp Quyết định số: 192/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1972

220 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MINH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Ân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An,

- đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 7 năm 1972
Số bằng: KV 054 bm Quyết định số: 596/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1973
- 221 Liệt sĩ: **LÊ VĂN DÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Ân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 8 tháng 4 năm 1945
Số bằng: HC 474 bp Quyết định số: 192/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1972
- 222 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN HỒ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Ân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 10 năm 1947
Số bằng: HC 864 bp Quyết định số: 1005/TTga ngày 20 tháng 7 năm 2006
- 223 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỀ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Ân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1969
Số bằng: EK 124 bm Quyết định số: 128/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1973
- 224 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Ân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1972
Số bằng: QN 058 bm Quyết định số: 56/TTga ngày 19 tháng 6 năm 1976
- 225 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH SỬU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Ân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1973
Số bằng: QN 006 bm Quyết định số: 56/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976
- 226 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN CHỚI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Ân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 2 tháng 5 năm 1931
Số bằng: ZA 5,325 cp Quyết định số: 293/TTga ngày 7 tháng 9 năm 1961
- 227 Liệt sĩ: **PHẠM QUANG DINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Ân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1972
Số bằng: PB 553 bm Quyết định số: 186/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1975
- 228 Liệt sĩ: **ĐINH HỮU HÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Ân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1968
Số bằng: CR 499 bm Quyết định số: 386/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1972
- 229 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH HÙNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1970
Số bằng: ĐQ 554 bm Quyết định số: 494/TTga ngày 9 tháng 12 năm 1972
- 230 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG DIỆM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Yên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 1 năm 1947
Số bằng: DK 591 bp Quyết định số: 482/TTg ngày 1 tháng 10 năm 1993

231 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MINH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Lạc, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1972
Số bằng: CB 893 bm Quyết định số: 206/TTga ngày 28 tháng 9 năm 1988

232 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG PHIỆT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Vinh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 30 tháng 9 năm 1939

Số bằng: ZA 390 kp Quyết định số: 98/TTg ngày 2 tháng 3 năm 1959

233 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUẾ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Văn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KV 127 bm Quyết định số: 596/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1973

234 Liệt sĩ: **CAO MINH THANH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 4 năm 1954
Số bằng: XG 201 bp Quyết định số: 226/TTga ngày 5 tháng 1 năm 1958

235 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG ANH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hương Trung, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1971
Số bằng: cp 168 bm Quyết định số: 295/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1972

236 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC MIỀNG**

Trưởng phòng tín dụng NH Nghệ An, Nguyên quán: xã Nam Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1968
Số bằng: AS 938 cm Quyết định số: 266/CTKT ngày 10 tháng 7 năm 1985

237 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH SỸ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Minh, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 4 năm 1954
Số bằng: XA 462 bp Quyết định số: 551/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1957

238 Liệt sĩ: **LÊ VIẾT XOAN**

Đảng viên 1930. Hội viên công hội đỏ, Nguyên quán: xã Hưng Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 4 tháng 3 năm 1934

Số bằng: ZC 013 cp Quyết định số: 107/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1972

239 Liệt sĩ: **PHAN VĂN XUÂN**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: khu phố 5, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1972

- Số bằng: VS 892 bm Quyết định số: 316/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 240 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TRĂNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Tường, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1968
Số bằng: QK 991 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 10 tháng 2 năm 1976
- 241 Liệt sĩ: **MAI XUÂN TƯ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Quang, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 8 năm 1978
Số bằng: 8R 111 bt Quyết định số: 574/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979
- 242 Liệt sĩ: **VÕ VIỆT THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Vinh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1975
Số bằng: UH 463 bm Quyết định số: 179/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 243 Liệt sĩ: **HỒ TƯ HẢO**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1968
Số bằng: MB 469 bm Quyết định số: 58/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970
- 244 Liệt sĩ: **PHAN VĂN TẠI**
Tham mưu phó trung đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: phường Vinh Tân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1970
Số bằng: TP 094 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 22 tháng 2 năm 1977
- 245 Liệt sĩ: **ĐỖ HỮU HÀ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phong Phú, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 3 năm 1964
Số bằng: OI 838 bm Quyết định số: 03/TTga ngày 4 tháng 1 năm 1975
- 246 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỨC HUỆ**
Đại úy công an nhân dân, Nguyên quán: xã Kim Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 3 năm 1992
Số bằng: DD 115 kt Quyết định số: 1277/CTKT ngày 5 tháng 6 năm 1983
- 247 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC CHÂU**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Hà, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1972
Số bằng: 5S 099 bm Quyết định số: 125/TTga ngày 5 tháng 5 năm 1978
- 248 Liệt sĩ: **ĐÀO XUÂN HÀ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Tùng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 9 năm 1978
Số bằng: 9X 135 bt Quyết định số: 665/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1980

- 249 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH DÝ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1970
Số bằng: YY 991 bm Quyết định số: 765/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1977
- 250 Liệt sĩ: **TRẦN BÁ QUANG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đông, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1973
Số bằng: UG 547 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 251 Liệt sĩ: **PHAN VĂN QUỲNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Cát, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 7 năm 1967
Số bằng: CT 459 bm Quyết định số: 357/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1972
- 252 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC THUẬN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Trường, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 3 năm 1946
Số bằng: ZX 856 bp Quyết định số: 313/TTga ngày 13 tháng 12 năm 1960
- 253 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT HỒ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thịnh, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1969
Số bằng: CT 394 bm Quyết định số: 330/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1972
- 254 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN QUON**
Y tá trạm y tế, Nguyên quán: xã Hưng Khánh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1966
Số bằng: MN 610 bm Quyết định số: 18/CTKT ngày 22 tháng 1 năm 1976
- 255 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ TRÂM**
Dược sĩ, Nguyên quán: xã Hưng Khánh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 10 năm 1968
Số bằng: HM 576 km Quyết định số: 39/TTg ngày 27 tháng 1 năm 1972
- 256 Liệt sĩ: **PHAN THỊ LOAN**
Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Hưng Phúc, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1968
Số bằng: cm 826 km Quyết định số: 135/TTg ngày 23 tháng 8 năm 1969
- 257 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LIÊU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1972
Số bằng: KV 005 bm Quyết định số: 578/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1973
- 258 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐƯỜNG**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Văn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1974
Số bằng: RA 213 bm Quyết định số: 152/TTg ngày 28 tháng 4 năm 1976

- 259 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN CÔNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1973
Số bằng: QI 774 bm Quyết định số: 68/TTg ngày 27 tháng 2 năm 1976
- 260 Liệt sĩ: **LÊ MAO**
Uy viên Trung ương Đảng-bí thư xứ ủy Trung Kỳ, Nguyên quán: xã Hưng Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 2 tháng 5 năm 1931
Số bằng: ZC 701 cp
- 261 Liệt sĩ: **TẠ KHẮC DƯ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1968
Số bằng: BA 948 bm Quyết định số: 278/TTg ngày 30 tháng 11 năm 1971
- 262 Liệt sĩ: **LÊ ĐỨC THẮNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Hòa, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 3 năm 1980
Số bằng: 4AA 329 bt Quyết định số: 233/TTg ngày 12 tháng 6 năm 1981
- 263 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC CƯ**
Công nhân công trường 7E thuộc bộ Giao thông vận tải, Nguyên quán: xã Nam Tân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1968
Số bằng: QL 143 cm Quyết định số: 11/TTg ngày 10 tháng 1 năm 1976
- 264 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG**
Công nhân nhà máy gỗ Vinh, Nguyên quán: xã Hưng Xuân, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 7 năm 1968
Số bằng: DR 523 cm Quyết định số: 264/TTg ngày 3 tháng 5 năm 1995
- 265 Liệt sĩ: **HỒ XUÂN LIÊN**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thủy, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 12 năm 1978
Số bằng: GQ 498 bt Quyết định số: 474/TTg ngày 4 tháng 7 năm 1980
- 266 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MÃN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Xuyên, huyện bình Giang, tỉnh Hải Dương, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: MX 782 bp Quyết định số: 326/TTg ngày 11 tháng 12 năm 1962
- 267 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN TRIỆN**
Tiểu đội trưởng quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Thịnh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1948
Số bằng: ZL 289 bp Quyết định số: 283/TTga ngày 6 tháng 6 năm 1958
- 268 Liệt sĩ: **ĐINH BIÊN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đức Lâm, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 6 năm 1954
Số bằng: QZ 548 bp Quyết định số: 256/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1961

269 Liệt sĩ: **LÊ KÊ BANG**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thạch, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 6 năm 1951

Số bằng: IZ 496 bp Quyết định số: 008/TTga ngày 10 tháng 1 năm 1957

270 Liệt sĩ: **VÕ VĂN TỈNH**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thạch, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 1 năm 1979

Số bằng: 2AA 195 bt Quyết định số: 10/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1981

271 Liệt sĩ: **NGUYỄN THIẾT HÙNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: khu phố 4, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 12 năm 1978

Số bằng: 9T 777 bt Quyết định số: 559/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1980

272 Liệt sĩ: **TRẦN DUY LÂM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: khu phố 4, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 2 năm 1978

Số bằng: 9X 194 bt Quyết định số: 655/TTg ngày 8 tháng 10 năm 1980

273 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TỈNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hưng Lam, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1964

Số bằng: HZ 403 bm Quyết định số: 113/TTga ngày 19 tháng 7 năm 1965

274 Liệt sĩ: **VƯƠNG ĐÌNH TỰ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hải, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc năm 1931

Số bằng: AC 670 Quyết định số: 340/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1973

275 Liệt sĩ: **TRẦN HỒNG ĐÀO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hạnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc năm 1973

Số bằng: SH 643 Quyết định số: 398/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

276 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN TOẢN**

Số bằng: NM 147 Quyết định số: 526/TTg ngày 15 tháng 10 năm 1974

277 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LƯỢC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Quang, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1968

Số bằng: ĐK 887 bm Quyết định số: 14/TTga ngày 20 tháng 1 năm 1973

278 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TRẠCH**

Số bằng:

SR 592

Quyết định số: 577/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

279 Liệt sĩ: **CHU VĂN HÙNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Tân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 5 năm 1978

Số bằng: 8B 622 bt Quyết định số: 287/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1979

280 Liệt sĩ: **VÕ MINH ĐỨC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Quang, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1974

Số bằng: VT 708 bm Quyết định số: 347/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

281 Liệt sĩ: **TẠ HỮU TĨNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 1 năm 1968

Số bằng: YS 233 bm Quyết định số: 513/TTga ngày 3 tháng 7 năm 1977

282 Liệt sĩ: **TẠ HỮU VƯỢNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1972

Số bằng: Ny 457 bm Quyết định số: 487/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1974

283 Liệt sĩ: **TẠ HỮU THỊNH**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1969

Số bằng: NK 016 bm Quyết định số: 345/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974

284 Liệt sĩ: **VŨ VĂN TRANG**

, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1965

Số bằng: AL 013 bm Quyết định số: 81/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1971

285 Liệt sĩ: **TẶNG KHẮC VỸ**

Tiểu đoàn trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1975

Số bằng: RA 508 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 5 tháng 5 năm 1976

286 Liệt sĩ: **CAO MINH DUY**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1968

Số bằng: EH 831 bm Quyết định số: 121/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1973

287 Liệt sĩ: **CAO XUÂN BẢY**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1965

Số bằng: HZ 696 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1966

288 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÙNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An,

đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 12 năm 1987
Số bằng: CN 790 tt Quyết định số: 129/CTKT ngày 24 tháng 7 năm 1990

- 289 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HUỆ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 9 năm 1972
Số bằng: UB 760 bm Quyết định số: 158/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 290 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 1 năm 1968
Số bằng: NM 343 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1969
- 291 Liệt sĩ: **TẶNG VĂN NHI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1968
Số bằng: YL 526 bm Quyết định số: 793/TTga ngày 1 tháng 8 năm 1977
- 292 Liệt sĩ: **TẶNG NGỌC HOÈ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1971
Số bằng: R- 1,439 bm Quyết định số: 124/TTga ngày 11 tháng 4 năm 1972
- 293 Liệt sĩ: **LÊ HUY MẬU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1970
Số bằng: AP 866 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1971
- 294 Liệt sĩ: **LÊ HUY CÀU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1968
Số bằng: PK 877 bm Quyết định số: 349/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1975
- 295 Liệt sĩ: **VƯƠNG VĂN TOÀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1967
Số bằng: QF 267 bm Quyết định số: 267/TTga ngày 16 tháng 7 năm 1979
- 296 Liệt sĩ: **VƯƠNG NGỌC LAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 3 năm 1951
Số bằng: HC 342 bp Quyết định số: 210/TTga ngày 16 tháng 6 năm 1972
- 297 Liệt sĩ: **TẠ HỮU HƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1972
Số bằng: LA 945 bm Quyết định số: 213/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974
- 298 Liệt sĩ: **TẠ DANH CƯ**

- Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1966
Số bằng: R 375 bm Quyết định số: 92/TTga ngày 18 tháng 3 năm 1972
- 299 Liệt sĩ: **ĐẶNG ĐỨC LỘC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1974
Số bằng: YA 964 bm Quyết định số: 457/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977
- 300 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC LINH**
Trợ lý hậu cần tiểu đoàn, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1973
Số bằng: LR 270 bm Quyết định số: 259/TTga ngày 25 tháng 5 năm 1974
- 301 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH ĐIỀN**
Thiếu uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1972
Số bằng: IL 766 bm Quyết định số: 808/TTga ngày 3 tháng 8 năm 1977
- 302 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ TÌNH**
Dân quân, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1968
Số bằng: Am 902 bm Quyết định số: 78/TTg ngày 2 tháng 4 năm 1970
- 303 Liệt sĩ: **LÊ VĂN GIẢNG**
Trung uý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 7 năm 1967
Số bằng: MB 444 bm Quyết định số: 58/TTg ngày 16 tháng 3 năm 1970
- 304 Liệt sĩ: **TRƯƠNG SỸ HUYNH**
Trợ lý tác chiến Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Đồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 12 năm 1968
Số bằng: UB 829 bm Quyết định số: 158/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 305 Liệt sĩ: **CHU VIỆT QUÊ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Đồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1971
Số bằng: GK 920 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1973
- 306 Liệt sĩ: **CHU KIM LOÁT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Đồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 12 năm 1969
Số bằng: BL 376 bm Quyết định số: 17/TTga ngày 7 tháng 7 năm 1972
- 307 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HUYỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Đồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 1 năm 1974
Số bằng: QG 599 bm Quyết định số: 55/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976

- 308 Liệt sĩ: **LÊ VIỆT HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Đồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 31 tháng 8 năm 1978
Số bằng: 8B 623 bt Quyết định số: 287/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1979
- 309 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN HÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Đồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1972
Số bằng: LA 921 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1974
- 310 Liệt sĩ: **CHU MINH NAM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Đồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MK 9,516bm Quyết định số: 210/TTga ngày 3 tháng 9 năm 1970
- 311 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÁI PHÚC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 3 năm 1975
Số bằng: 2Đ 405 bm Quyết định số: 1312/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977
- 312 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN MINH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1968
Số bằng: MS 640 bm Quyết định số: 290/TTga ngày 9 tháng 12 năm 1970
- 313 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGỌC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 6 năm 1982
Số bằng: ĐM 205 bt Quyết định số: 669/TTg ngày 22 tháng 8 năm 1997
- 314 Liệt sĩ: **PHAN ĐỨC THÀNH**
Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 11 năm 1986
Số bằng: bt 143 bt Quyết định số: 317/CTKT ngày 23 tháng 12 năm 1987
- 315 Liệt sĩ: **HÀ VĂN THANH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 1 năm 1973
Số bằng: VT 515 bm Quyết định số: 317/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 316 Liệt sĩ: **HÀ NGỌC MINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1972
Số bằng: VQ 782 bm Quyết định số: 340/TTga ngày 22 tháng 4 năm 1977
- 317 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 9 năm 1981
Số bằng: M 803 bt Quyết định số: 262/CTKT ngày 6 tháng 7 năm 1983

- 318 **Liệt sĩ: LÊ SAO ĐIỂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1974
Số bằng: QH 621 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 10 tháng 2 năm 1976
- 319 **Liệt sĩ: HÀ XUÂN TƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 8 năm 1964
Số bằng: ZH 391 bm Quyết định số: 113/TTga ngày 19 tháng 7 năm 1965
- 320 **Liệt sĩ: BUI XUÂN TIỂU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1972
Số bằng: LG 222 bm Quyết định số: 218/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974
- 321 **Liệt sĩ: NGUYỄN QUỐC TOÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1972
Số bằng: NY 405 bm Quyết định số: 487/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1974
- 322 **Liệt sĩ: NGUYỄN CHU LỄ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1972
Số bằng: VS 669 bm Quyết định số: 324/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 323 **Liệt sĩ: TRẦN XUÂN HỒNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1966
Số bằng: SH 226 bm Quyết định số: 461/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1976
- 324 **Liệt sĩ: TRẦN LIÊN HOÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1968
Số bằng: BB 152 bm Quyết định số: 278/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971
- 325 **Liệt sĩ: NGUYỄN NGỌC TOÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hạnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 11 năm 1969
Số bằng: BN 339 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 29 tháng 2 năm 1972
- 326 **Liệt sĩ: ĐOÀN NGỌC HƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 9 năm 1978
Số bằng: 9I 697 bt Quyết định số: 19/TTga ngày 5 tháng 1 năm 1980
- 327 **Liệt sĩ: TRỊNH THỊ SÁU**
Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Diễn Hạnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968

Số bằng: EM 297 cm Quyết định số: 132/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1976

328 Liệt sĩ: **NGÔ SỸ PHƯỚC**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hạnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 7 năm 1974

Số bằng: SH 806 bm Quyết định số: 487/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1976

329 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH TÍN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hạnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 8 năm 1966

Số bằng: BE 388 bm Quyết định số: 286/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1971

330 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC DIỄN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hạnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1972

Số bằng: KL 828 bm Quyết định số: 573/TTga ngày 17 tháng 12 năm 1973

331 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN TÌNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hạnh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1966

Số bằng: QX 088 bm Quyết định số: 163/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1965

332 Liệt sĩ: **VŨ DUY CHƯỚC**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoàng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1970

Số bằng: QI 881 bm Quyết định số: 68 - /TTga ngày 27 tháng 2 năm 1976

333 Liệt sĩ: **TRẦN TRỌNG BƯỞI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoàng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1975

Số bằng: YD 038 bm Quyết định số: 359 /TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

334 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG ĐẠO**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoàng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 1 năm 1972

Số bằng: ĐR 847 bm Quyết định số: 14/TTga ngày 20 tháng 1 năm 1973

335 Liệt sĩ: **VŨ ĐỨC HÙNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoàng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1954

Số bằng: GH 545 bm Quyết định số: 1228/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2003

336 Liệt sĩ: **VŨ AM**

Tự vệ đỏ, Nguyên quán: xã Diễn Hoàng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 4 năm 1931

Số bằng: BC 975 kp Quyết định số: 145-/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

337 Liệt sĩ: **VŨ TIỆNG**

Hội viên nông hội đỏ, Nguyên quán: xã Diễn Hoàng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh

vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 12 tháng 7 năm 1931
Số bằng: AC 877 kp Quyết định số: 145/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

338 Liệt sĩ: **VŨ VĂN CHỈ**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Diễn Hoàng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 19 tháng 1 năm 1931
Số bằng: ZL 970 kp Quyết định số: 124 - /TTga ngày 17 tháng 6 năm 1963

339 Liệt sĩ: **TRẦN XUÂN NGUYỄN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hùng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NV 603 bm Quyết định số: 508/TTga ngày 10 tháng 1 năm 1974

340 Liệt sĩ: **ĐINH TRỌNG LIÊN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hùng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1966
Số bằng: BE 432 bm Quyết định số: 286/TTga ngày 12 tháng 8 năm 1971

341 Liệt sĩ: **TRẦN XUÂN BẢN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hùng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1972
Số bằng: UB 478 bm Quyết định số: 137/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1977

342 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC HUỀ**

Công nhân ty GTVT tỉnh Nghệ An, Nguyên quán: xã Diễn Hùng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 11 năm 1972
Số bằng: MM 430 cm Quyết định số: 512/TTga ngày 3 tháng 10 năm 1974

343 Liệt sĩ: **CAO THỊ TUYẾT**

Cán bộ ty lương thực, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1968
Số bằng: R 1,586 cm Quyết định số: 124/CTKT ngày 11 tháng 4 năm 1972

344 Liệt sĩ: **CAO CƠ**

Cán bộ cách mạng, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 21 tháng 1 năm 1930
Số bằng: zB 591 cp Quyết định số: 157/TTg ngày 26 tháng 5 năm 1962

345 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VÂN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 1 năm 1985
Số bằng: AU 592 bt Quyết định số: 352/CTKT ngày 18 tháng 9 năm 1985

346 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÌNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 8 năm 1978
Số bằng: 8B 468 bv Quyết định số: 283/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1979

347 Liệt sĩ: **LƯU THÀNH ĐỒNG**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1969
Số bằng: LK 186 bm Quyết định số: 331/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1974

348 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH LÂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lăng thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 11 năm 1972
Số bằng: KB 923 bm Quyết định số: 529/TTga ngày 3 tháng 12 năm 1973

349 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC LONG**

Trung sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1969
Số bằng: BL 379 bm Quyết định số: 171/TTga ngày 7 tháng 1 năm 1972

350 Liệt sĩ: **VÕ VĂN THƯ**

Tiểu đội phó quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 9 năm 1978
Số bằng: 9I 949 bt Quyết định số: 34/TTga ngày 14 tháng 1 năm 1980

351 Liệt sĩ: **VÕ VĂN MINH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 3 năm 1968
Số bằng: KM 966 bm Quyết định số: 228/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1968

352 Liệt sĩ: **TRẦN TỬ ĐỒNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1968
Số bằng: EH 841 bm Quyết định số: 121/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1973

353 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HUỖNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1968
Số bằng: AH 045 bm Quyết định số: 81/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1971

354 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN QUYÊN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 3 năm 1972
Số bằng: HV 441 bm Quyết định số: 148/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

355 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC HẠNH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1969
Số bằng: ĐQ 542 bm Quyết định số: 494/TTga ngày 9 tháng 12 năm 1972

356 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ THẬP**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 6 năm 1975
Số bằng: SP 931 bt Quyết định số: 494/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1976

- 357 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TRỌN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 9 năm 1968
Số bằng: MP 702 bm Quyết định số: 57/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970
- 358 **Liệt sĩ: TRẦN QUANG LONG**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 12 năm 1969
Số bằng: EK 140 bm Quyết định số: 128/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1973
- 359 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN THỌ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 9 năm 1978
Số bằng: AO 729 bt Quyết định số: 115CTKT ngày 27 tháng 3 năm 1985
- 360 **Liệt sĩ: CAO XUÂN HOÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Liên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 3 năm 1970
Số bằng: NY 297 bm Quyết định số: 471/TTga ngày 17 tháng 9 năm 1974
- 361 **Liệt sĩ: CAO XUÂN CỪ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lộc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 31 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 8Y 112 bt Quyết định số: 731/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979
- 362 **Liệt sĩ: HOÀNG LƯƠNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lộc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1972
Số bằng: 27Y 183 cm Quyết định số: 1186/TTga ngày 12 tháng 10 năm 1977
- 363 **Liệt sĩ: BÙI VĂN ĐĂNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lộc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 5 năm 1954
Số bằng: HC 348 bP Quyết định số: 210/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1972
- 364 **Liệt sĩ: BÙI NGỌC TỤC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lộc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1969
Số bằng: cp 081 bm Quyết định số: 295/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1972
- 365 **Liệt sĩ: CAO ĐĂNG ĐÀM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lộc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 2 năm 1968
Số bằng: OM 620 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1969
- 366 **Liệt sĩ: THÁI BÁ THANH**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lộc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1968
Số bằng: NB 188 bm Quyết định số: 59/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1970

- 367 Liệt sĩ: **HOÀNG XUÂN VIÊN**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lộc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 9 năm 1973
 Số bằng: RA 527 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 5 tháng 5 năm 1976
- 368 Liệt sĩ: **TRẦN HỮU THIẾP**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán : xã Diễn Lợi, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 2 năm 1953
 Số bằng: ZK 280 bP Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 369 Liệt sĩ: **PHAN ĐỨC LỄ**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán : xã Diễn Lợi, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 31 tháng 7 năm 1954
 Số bằng: XA 572 bP Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 370 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG QUẢNG**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán : xã Diễn Lợi, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1966
 Số bằng: RP 062 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1976
- 371 Liệt sĩ: **TẠ KHẮC KỶ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán : xã Diễn Lợi, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1966
 Số bằng: SH 678 bm Quyết định số: 484/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1976
- 372 Liệt sĩ: **PHAN XUÂN THIẾT**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán : xã Diễn Lợi, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 6 năm 1968
 Số bằng: AL 056 bm Quyết định số: 81/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1971
- 373 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ HÀO**
 Chính trị viên Đại đội, Nguyên quán: xã Diễn Minh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1971
 Số bằng: LR 248 bm Quyết định số: 259 T.Tg ngày 23 tháng 5 năm 1974
- 374 Liệt sĩ: **HOÀNG TRỌNG ĐẠI**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Minh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 2 năm 1971
 Số bằng: CK 937 bm Quyết định số: 288T.Tg ngày 14 tháng 7 năm 1972
- 375 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT TRI**
 Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Minh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1972
 Số bằng: NK 267 bm Quyết định số: 350T.Tg ngày 5 tháng 7 năm 1974
- 376 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ ÁNH**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Minh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1970

Số bằng: ĐQ 801 bm Quyết định số: 53 T.Tg ngày 17 tháng 2 năm 1973

377 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN HUỆ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Mỹ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1967
Số bằng: EZ 161 bm Quyết định số: 124 /TTga ngày 6 tháng 7 năm 1963

378 Liệt sĩ: **PHAN VĂN CHUNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Mỹ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1969
Số bằng: NT 539 bm Quyết định số: 489 /TTga ngày 26 tháng 9 năm 1974

379 Liệt sĩ: **ĐÀO NGỌC MINH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hải, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1966
Số bằng: YG 710 bm Quyết định số: 458/TTga ngày 24 tháng 4 năm 1977

380 Liệt sĩ: **LƯƠNG ĐÌNH LUẬN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1970
Số bằng: ĐQ 879 bm Quyết định số: 53/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1973

381 Liệt sĩ: **LẠI VĂN TRINH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1977
Số bằng: UR 737 bm Quyết định số: 443/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1977

382 Liệt sĩ: **CAO BÁ ĐỨC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1970
Số bằng: UD 761 bm Quyết định số: 130/TTga ngày 9 tháng 3 năm 1977

383 Liệt sĩ: **QUÊ VĂN THÔNG**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1974
Số bằng: NT 544 bm Quyết định số: 489/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1974

384 Liệt sĩ: **HOÀNG CÔNG LÝ**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1973
Số bằng: PE 095 bm Quyết định số: 187/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1975

385 Liệt sĩ: **VÕ NGỌC CÁT**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1972
Số bằng: QI 769 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1976

386 Liệt sĩ: **TRẦN HOÀNG**

Trưởng ban Cán bộ sư đoàn, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy

sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1972
Số bằng: LK 337 bm Quyết định số: 339/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974

- 387 Liệt sĩ: **CHU VĂN CHIÊU**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1968
Số bằng: VM 017 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 11 tháng 12 năm 1969
- 388 Liệt sĩ: **CHU VĂN CHIÊU**
Y tá Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 1 năm 1970
Số bằng: KO 108 bm Quyết định số: 160/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1974
- 389 Liệt sĩ: **PHẠM ĐỨC THANH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1970
Số bằng: BL 406 bm Quyết định số: 17/TTga ngày 7 tháng 1 năm 1972
- 390 Liệt sĩ: **QUẾ VĂN CÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1972
Số bằng: NK 057 bm Quyết định số: 344/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974
- 391 Liệt sĩ: **CHU CÔNG ĐẬU**
Thuyền trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1968
Số bằng: QM 616 bm Quyết định số: 184/TTga ngày 29 tháng 10 năm 1969
- 392 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC HOA**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 11 năm 1969
Số bằng: SH 292 bm Quyết định số: 970/TTga ngày 5 tháng 9 năm 1977
- 393 Liệt sĩ: **CHU VĂN NĂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 8 năm 1968
Số bằng: EH 920 bm Quyết định số: 121/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1973
- 394 Liệt sĩ: **TRẦN NGỢI**
Công nhân đường sắt, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 11 năm 1967
Số bằng: cm 016 cm Quyết định số: 48/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1969
- 395 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN THIẾT**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1971
Số bằng: KV 250 bm Quyết định số: 599/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1973
- 396 Liệt sĩ: **PHẠM BÁ NGỌC**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 1 năm 1967
Số bằng: OM 669 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1969

397 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGHỊ**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1966
Số bằng: 8E 440 bm Quyết định số: 348/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1979

398 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KHANH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phong, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1965
Số bằng: HZ 727 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1966

399 Liệt sĩ: **LÊ LAM BÍCH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phúc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 2 năm 1968
Số bằng: PK 852 bm Quyết định số: 349/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1975

400 Liệt sĩ: **CAO ĐỨC HÙNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phúc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1971
Số bằng: CN 013 bm Quyết định số: 288/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1972

401 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐẠO**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phúc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 1 năm 1969
Số bằng: R 1,512 bm Quyết định số: 124/TTga ngày 11 tháng 4 năm 1972

402 Liệt sĩ: **ĐẬU TRỌNG ĐẠT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phúc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1969
Số bằng: MF 964 bm Quyết định số: 117/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1970

403 Liệt sĩ: **MAI THANH TRUNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phúc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 11 năm 1977
Số bằng: 5S 182 bt Quyết định số: 725/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1978

404 Liệt sĩ: **VŨ TRUNG QUANG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phúc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1966
Số bằng: JM 413 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

405 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHANH**

Trợ lý tham mưu quân đoàn, Nguyên quán: xã Diễn Phúc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1974
Số bằng: SR 159 bm Quyết định số: 20/TTg ngày 27 tháng 6 năm 2012

- 406 Liệt sĩ: **PHẠM TRỌNG TÍN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phúc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1972
Số bằng: QL 601 bm Quyết định số: 52/TTga ngày 26 tháng 10 năm 2012
- 407 Liệt sĩ: **PHẠM QUANG TUYỀN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phúc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1974
Số bằng: SL 103 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1976
- 408 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC ÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Phúc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1968
Số bằng: TM 968 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 11 tháng 12 năm 1969
- 409 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN HÒE**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1972
Số bằng: LA 931 bm Quyết định số: 213/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974
- 410 Liệt sĩ: **HOÀNG MAI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 9 năm 1970
Số bằng: LG 194 bm Quyết định số: 218/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974
- 411 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY HÒ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1970
Số bằng: PE 029 bm Quyết định số: 187/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1975
- 412 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY LIỆU**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1972
Số bằng: NT 524 bm Quyết định số: 489/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1974
- 413 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÀNH**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 9 năm 1972
Số bằng: HG 001 bm Quyết định số: 503/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1973
- 414 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN TỊNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 8 năm 1970
Số bằng: bt 216 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 23 tháng 3 năm 1972
- 415 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY NINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1975

Số bằng: RA 450 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 5 tháng 5 năm 1976

416 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN QUÊ**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 9 năm 1968

Số bằng: LE 049 bm Quyết định số: 161/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1974

417 Liệt sĩ: **LƯU VĂN BÓN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 5 năm 1968

Số bằng: OM 617 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1969

418 Liệt sĩ: **LƯU VĂN NĂM**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 9 năm 1974

Số bằng: UK 003 bm Quyết định số: 193/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

419 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN YÊNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 3 năm 1979

Số bằng: 9Q 796 bt Quyết định số: 468/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1980

420 Liệt sĩ: **ĐINH CÔNG Ý**

Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1968

Số bằng: CV 009 bm Quyết định số: 354/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1972

421 Liệt sĩ: **LÊ MINH SỸ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 2 năm 1979

Số bằng: 9Q 635 bt Quyết định số: 463/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1980

422 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRUNG NGHỊ**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 4 năm 1954

Số bằng: DZ 333 bp Quyết định số: 278/TTga ngày 10 tháng 8 năm 1962

423 Liệt sĩ: **LÊ PHÁP**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 5 năm 1954

Số bằng: XD 282 bp Quyết định số: 170/TTg ngày 4 tháng 1 năm 1958

424 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952

Số bằng: GH 457 bp Quyết định số: 1228/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2003

- 425 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN LỘC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 4 năm 1979
Số bằng: 9I 745 bt Quyết định số: 19/TTga ngày 5 tháng 1 năm 1980
- 426 Liệt sĩ: **LÊ VĂN PHÚC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1965
Số bằng: HZ 746 bm Quyết định số: 042/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1966
- 427 Liệt sĩ: **TẠ XUÂN LAN**
Thượng úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thắng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 10 năm 1984
Số bằng: BI 515 bt Quyết định số: 37/CT/KT ngày 18 tháng 2 năm 1987
- 428 Liệt sĩ: **ĐẶNG XUÂN ĐỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thắng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 5 năm 1969
Số bằng: MF 966 bt Quyết định số: 117/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1970
- 429 Liệt sĩ: **TRẦN HỒNG DÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thắng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 5 năm 1969
Số bằng: MF 963 bt Quyết định số: 117/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1970
- 430 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thắng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 4 năm 1951
Số bằng: GH 470 bp Quyết định số: 1228/QĐ-TTg ngày 10 tháng 11 năm 2003
- 431 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÁC**
Số bằng: SH 813 Quyết định số: 487/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1976
- 432 Liệt sĩ: **HOÀNG KÝ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 10 năm 1972
Số bằng: UD 419 bt Quyết định số: 165/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 433 Liệt sĩ: **CAO MINH THỰC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 3 năm 1975
Số bằng: UH 336 bt Quyết định số: 157/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 434 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 3 năm 1975
Số bằng: SI 096 bt Quyết định số: 462/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1976
- 435 Liệt sĩ: **CAO BÁ DŨNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9T 618 bt Quyết định số: 558/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1981

436 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN Y**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 12 năm 1969

Số bằng: NK 310 bt Quyết định số: 350/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1974

437 Liệt sĩ: **PHAN HỮU NIÊN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 8 năm 1967

Số bằng: bm 964 bt Quyết định số: 146/TTga ngày 15 tháng 9 năm 1969

438 Liệt sĩ: **NGUYỄN DƯƠNG THU**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thành, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1973

Số bằng: P 1,764 bm Quyết định số: 358/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1975

439 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC QUỲ**

Tiểu đội trưởng quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 7 năm 1969

Số bằng: LG 210 bm Quyết định số: 218/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

440 Liệt sĩ: **CAO TRỌNG HIẾN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1972

Số bằng: YT 063 bm Quyết định số: 453/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977

441 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN THẾ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 7 năm 1967

Số bằng: EK 269 bm Quyết định số: 144/TTg ngày 14 tháng 4 năm 1973

442 Liệt sĩ: **ĐINH ĐỨC KHÁNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 10 năm 1978

Số bằng: 8Q 917 bt Quyết định số: 575/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979

443 Liệt sĩ: **VÕ THÀNH TÂM**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1970

Số bằng: UR 807 bm Quyết định số: 499/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1977

444 Liệt sĩ: **ĐẶNG QUANG TÙNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 5 năm 1954

Số bằng: ZQ 4,490 bp Quyết định số: 424/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1959

- 445 Liệt sĩ: **ĐẶNG QUANG SANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 9 năm 1966
Số bằng: GK 901 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1973
- 446 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NẮNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 02 năm 1971
Số bằng: GL 801 bm Quyết định số: 479/TTga ngày 1 tháng 11 năm 2004
- 447 Liệt sĩ: **ĐẶNG XUÂN TIẾN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 07 năm 1972
Số bằng: KV 187 bm Quyết định số: 599/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1973
- 448 Liệt sĩ: **ĐINH XUÂN HOÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 01 năm 1952
Số bằng: CZ 843 bp Quyết định số: 157/TTga ngày 5 tháng 6 năm 1962
- 449 Liệt sĩ: **HOÀNG CÔNG TỬ**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 2 năm 1972
Số bằng: OE 487 bm Quyết định số: 17/TTga ngày 18 tháng 1 năm 1975
- 450 Liệt sĩ: **HOÀNG QUÁCH CHÂU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1973
Số bằng: BE 078 bm Quyết định số: 187/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1975
- 451 Liệt sĩ: **CAO CÀN**
Dân công, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 12 năm 1952
Số bằng: GB 924 kp Quyết định số: 287/TTga ngày 17 tháng 3 năm 2003
- 452 Liệt sĩ: **VÕ QUANG THOẠI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 8 năm 1971
Số bằng: LG 227 bm Quyết định số: 218/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974
- 453 Liệt sĩ: **VÕ TRỌNG QUANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 12 năm 1969
Số bằng: cp 110 bm Quyết định số: 295/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1972
- 454 Liệt sĩ: **VÕ TRỌNG MINH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1968

Số bằng: 8E 427 bm Quyết định số: 348/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1979

455 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC HIỀN**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1969

Số bằng: ĐK 857 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 20 tháng 1 năm 1973

456 Liệt sĩ: **THÁI BÁ LINH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thọ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1972

Số bằng: HV 464 bm Quyết định số: 148/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

457 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH CHỨC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trung, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1967

Số bằng: YP 434 bm Quyết định số: 468/TTga ngày 25 tháng 5 năm 1977

458 Liệt sĩ: **CAO THỊ THU**

Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Diễn Trung, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1971

Số bằng: ĐM 155 Quyết định số: 669/TTg ngày 22 tháng 8 năm 1997

459 Liệt sĩ: **HÒ PHÚ THỌ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trung, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 9 năm 1966

Số bằng: MB 769 bp Quyết định số: 57/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

460 Liệt sĩ: **BÙI SÍNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trung, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 8 năm 1953

Số bằng: ZM 544 bp Quyết định số: 455/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1958

461 Liệt sĩ: **BÙI MINH DUNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trung, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1968

Số bằng: MS 597 bm Quyết định số: 290/TTga ngày 12 tháng 9 năm 1970

462 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÁI VÂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trung, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 4 năm 1978

Số bằng: 7Đ 649 bt Quyết định số: 1312/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978

463 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÁI CÀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trung, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 1 năm 1978

Số bằng: 5S 093 bt Quyết định số: 725/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1978

464 Liệt sĩ: **ĐẬU NGỌC KỶ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trung, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ

An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1968
Số bằng: VQ 825 bm Quyết định số: 359/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

- 465 Liệt sĩ: **PHẠM ĐĂNG PHÚ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trung, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 5 năm 1981
Số bằng: 2AB 826 bt Quyết định số: 313/CTKT ngày 10 tháng 9 năm 1982
- 466 Liệt sĩ: **PHẠM BÁ ĐƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trung, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 8 năm 1971
Số bằng: UD 788 bm Quyết định số: 130/TTga ngày 3 tháng 9 năm 1977
- 467 Liệt sĩ: **NGÔ KIM TOÀN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Kỳ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 11 năm 1966
Số bằng: IM 596 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968
- 468 Liệt sĩ: **NGÔ SỸ NGHIÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Kỳ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 9 năm 1968
Số bằng: RA 481 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1976
- 469 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Đồng huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1966
Số bằng: MD 289 bm Quyết định số: 78/TTga ngày 2 tháng 4 năm 1970
- 470 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC SƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Kỳ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 3 năm 1972
Số bằng: QG 671 bm Quyết định số: 55/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976
- 471 Liệt sĩ: **NGÔ SỸ KỶ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Kỳ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 9 năm 1954
Số bằng: XA 411 bp Quyết định số: 551/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 472 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HẢI**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Kỳ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 6 năm 1985
Số bằng: BN 483 bt Quyết định số: 159CTKT ngày 7 tháng 5 năm 1987
- 473 Liệt sĩ: **ĐẶNG BÁ HIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1969
Số bằng: MP 071 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 3 tháng 9 năm 1970
- 474 Liệt sĩ: **ĐẶNG XUÂN UYÊN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1966
Số bằng: bm 219 bm Quyết định số: 135TTg ngày 2 tháng 8 năm 1967

475 Liệt sĩ: **CAO BÁ THÌN**

Cán bộ xã, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1972
Số bằng: NM 072 cm Quyết định số: 489/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1974

476 Liệt sĩ: **CAO NHẤT DUNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 3 năm 1978
Số bằng: 7A 330 bt Quyết định số: 1209TTg ngày 17 tháng 11 năm 1978

477 Liệt sĩ: **CAO THANH XUÂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 6 năm 1968
Số bằng: QG 416 bm Quyết định số: 55/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976

478 Liệt sĩ: **CAO TRUNG HOA**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 2 năm 1967
Số bằng: IM 576 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

479 Liệt sĩ: **CAO VĂN MIỆN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1972
Số bằng: QL 550 bm Quyết định số: 52/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1976

480 Liệt sĩ: **CAO XUÂN NGOẠN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1969
Số bằng: UB 921 bm Quyết định số: 167/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

481 Liệt sĩ: **CAO XUÂN PHÚC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1973
Số bằng: OK 548 bm Quyết định số: 15/TTga ngày 18 tháng 1 năm 1975

482 Liệt sĩ: **CAO XUÂN SƠN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 8 năm 1978
Số bằng: 2AB 843 bt Quyết định số: 313CTKT ngày 9 tháng 10 năm 1982

483 Liệt sĩ: **HOÀNG HỢI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Bích, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 4 năm 1954
Số bằng: HC 335 bp Quyết định số: 210/TTga ngày 16 tháng 6 năm 1972

- 484 Liệt sĩ: **LÊ DUY TRINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1972
Số bằng: LK 384 bm Quyết định số: 339/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974
- 485 Liệt sĩ: **NGÔ ĐÌNH HAI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1972
Số bằng: NK 095 bm Quyết định số: 344/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974
- 486 Liệt sĩ: **NGÔ ĐÌNH TY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1969
Số bằng: LK 329 bm Quyết định số: 339/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974
- 487 Liệt sĩ: **NGÔ SỸ HOÁN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1967
Số bằng: ĐH 759 bm Quyết định số: 480/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1972
- 488 Liệt sĩ: **NGÔ SỸ THẮNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 8 năm 1972
Số bằng: LA 795 bm Quyết định số: 289/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1974
- 489 Liệt sĩ: **NGÔ SỸ THUÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 3 năm 1951
Số bằng: XG 193 bp Quyết định số: 226TTg ngày 5 tháng 1 năm 1958
- 490 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN KIM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 7 năm 1951
Số bằng: ZX 746 bp Quyết định số: 313TTg ngày 12 tháng 12 năm 1960
- 491 Liệt sĩ: **NGÔ VIỆT LƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1966
Số bằng: bm 261 bm Quyết định số: 135/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1967
- 492 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC LONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1965
Số bằng: HZ 485 bm Quyết định số: 114/TTga ngày 23 tháng 7 năm 1965
- 493 Liệt sĩ: **NGUYỄN TÀI CẦN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1971
Số bằng: HB 905 bm Quyết định số: 503/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1973

- 494 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN LINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 8 năm 1978
Số bằng: 8B 671 bt Quyết định số: 287/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1979
- 495 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1969
Số bằng: UR 781 bm Quyết định số: 443/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1977
- 496 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BẦY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 10 năm 1972
Số bằng: LG 158 bm Quyết định số: 218/TTga ngày 4 tháng 8 năm 1974
- 497 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KHÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1968
Số bằng: MB 505 bm Quyết định số: 58/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970
- 498 Liệt sĩ: **TẠ QUANG LỤC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1970
Số bằng: AP 850 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1971
- 499 Liệt sĩ: **THÁI DOÃN HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1967
Số bằng: IM 382 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968
- 500 Liệt sĩ: **THÁI DOÃN VÕ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1969
Số bằng: MT 521 bm Quyết định số: 290/TTga ngày 9 tháng 12 năm 1970
- 501 Liệt sĩ: **THÁI HỒNG HƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1971
Số bằng: UB 813 bm Quyết định số: 158/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 502 Liệt sĩ: **THÁI HỒNG HUỆ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1971
Số bằng: YP 770 bm Quyết định số: 692/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1977
- 503 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC NHÌ**
Cán bộ xã, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1969

Số bằng: MP 089 cm Quyết định số: 208/TTGa ngày 3 tháng 9 năm 1970

504 Liệt sĩ: **VÕ QUANG VIÊN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1969

Số bằng: 1H 449 bm Quyết định số: 807/TTGa ngày 3 tháng 8 năm 1977

505 Liệt sĩ: **VÕ SỸ CANH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1972

Số bằng: ĐH 719 bm Quyết định số: 480/TTGa ngày 1 tháng 12 năm 1972

506 Liệt sĩ: **VÕ SỸ TĂNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1971

Số bằng: EG 684 bm Quyết định số: 130/TTGa ngày 12 tháng 4 năm 1973

507 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN DŨNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Khê, huyện Phú Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950

Số bằng: Fd 773 bp Quyết định số: 171TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957

508 Liệt sĩ: **CAO XUÂN BỒN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1968

Số bằng: 8E 271 bm Quyết định số: 349/TTGa ngày 18 tháng 5 năm 1979

509 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN NHẬT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1968

Số bằng: bt 667 bm Quyết định số: 101/TTGa ngày 20 tháng 3 năm 1972

510 Liệt sĩ: **CAO THANH LÂM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1968

Số bằng: 8E 385 bm Quyết định số: 349/TTGa ngày 18 tháng 5 năm 1979

511 Liệt sĩ: **NGÔ TRÍ THỨC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 2 năm 1951

Số bằng: HC 326 bp Quyết định số: 210/TTGa ngày 1 tháng 6 năm 1972

512 Liệt sĩ: **THÁI DOÃN NGỌC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 7 năm 1978

Số bằng: 7X 641 bt Quyết định số: 206/TTGa ngày 26 tháng 3 năm 1979

513 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NĂM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ

An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 6 năm 1951
Số bằng: ZG 400 bp Quyết định số: 130TTg ngày 13 tháng 4 năm 1957

514 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN THÀNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1974
Số bằng: UR 642 bm Quyết định số: 443/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1977

515 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC HẢI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 11 năm 1972
Số bằng: LG 190 bm Quyết định số: 218/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

516 Liệt sĩ: **BÙI CÔNG HOAN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1973
Số bằng: SH 220 bm Quyết định số: 461/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1976

517 Liệt sĩ: **THÁI DOẢN TRƯỜNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1968
Số bằng: OM 756 bm Quyết định số: 109TTg-A ngày 14 tháng 7 năm 1969

518 Liệt sĩ: **VŨ VĂN THÙY**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1973
Số bằng: PE 189 bm Quyết định số: 193/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1975

519 Liệt sĩ: **THÁI HỒNG HƯƠNG**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1971
Số bằng: UB 813 bm Quyết định số: 158/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

520 Liệt sĩ: **NGÔ SỸ HOÁN**

Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1967
Số bằng: DH 759 bm Quyết định số: 480/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1972

521 Liệt sĩ: **CAO GIÁM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 5 năm 1954
Số bằng: ZX 006 bp Quyết định số: 208TTg ngày 16 tháng 9 năm 1960

522 Liệt sĩ: **NGÔ XUÂN KHANG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hoa, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 2 năm 1970
Số bằng: DH 773 bm Quyết định số: 480/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1972

- 523 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ HƯƠNG**
 Dân công hỏa tuyến, Nguyên quán: xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1972
 Số bằng: LA 892 cm Quyết định số: 218 /TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974
- 524 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KHÁNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 6 năm 1968
 Số bằng: VQ 887 bm Quyết định số: 359 /TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 525 Liệt sĩ: **CAO VĂN CHINH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1970
 Số bằng: bt 036 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 23 tháng 3 năm 1972
- 526 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN TRẠM**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 3 năm 1954
 Số bằng: ZM 653 bp Quyết định số: 483 TTg ngày 3 tháng 11 năm 1958
- 527 Liệt sĩ: **HOÀNG KHÁNH VINH**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1972
 Số bằng: UB 892 bm Quyết định số: 167 /TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 528 Liệt sĩ: **HOÀNG DU**
 Trợ lý cán bộ, Nguyên quán: xã Diễn Cát, huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1968
 Số bằng: UDD 357 cm Quyết định số: 165 /TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 529 Liệt sĩ: **KIỀU THANH TAM**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1966
 Số bằng: bm 283 bm Quyết định số: 135 TTg ngày 2 tháng 8 năm 1967
- 530 Liệt sĩ: **CAO TRỌNG TƯ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thịnh, huyện Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 8 năm 1968
 Số bằng: MB 656 bm Quyết định số: 57 /TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970
- 531 Liệt sĩ: **LÊ VĂN QUÝ**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1973
 Số bằng: NK 229 bm Quyết định số: 345/TTg ngày 1/2/1900 tháng 7 năm 1974
- 532 Liệt sĩ: **HỒ SỸ TÙNG**
 Ủy viên Tổng bộ TNCM ĐCH, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc năm 1929
 Số bằng: AC 878 bp Quyết định số: 145/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

- 533 Liệt sĩ: **PHAN NGỌC CHỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1970
Số bằng: cp 027 bm Quyết định số: 295/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1972
- 534 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HỢI**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1968
Số bằng: BE 459 bm Quyết định số: 186TTg ngày 8 tháng 12 năm 1971
- 535 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TUẤN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1977
Số bằng: 7X 692 bm Quyết định số: 206TTg ngày 26 tháng 3 năm 1979
- 536 Liệt sĩ: **VÕ VĂN THẢO**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1975
Số bằng: U 001 bm Quyết định số: 191TTg ngày 28 tháng 3 năm 1977
- 537 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN TÀI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 7 năm 1967
Số bằng: BL 685 bm Quyết định số: 39/TTg ngày 15 tháng 4 năm 2003
- 538 Liệt sĩ: **HOÀNG QUYẾT THẮNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 11 năm 1977
Số bằng: 7X 665 bt Quyết định số: 206TTg ngày 26 tháng 3 năm 1979
- 539 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐÀO**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 6 năm 1980
Số bằng: 2AB 730 bt Quyết định số: 253CTKT ngày 8 tháng 9 năm 1982
- 540 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐÌNH NGỌC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1970
Số bằng: 1P 8,576 bm Quyết định số: 221TTg ngày 6 tháng 9 năm 1971
- 541 Liệt sĩ: **PHAN TRỌNG QUÝ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 12 năm 1972
Số bằng: LG 211 bm Quyết định số: 218TTg ngày 12 tháng 5 năm 2003
- 542 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN LỤC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Vạn, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1971

Số bằng: Vs 754 bm Quyết định số: 324TTg ngày 15 tháng 4 năm 2003

543 Liệt sĩ: **VÕ HỒNG PHƯƠNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 4 năm 1972

Số bằng: NT 542 bm Quyết định số: 489/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1974

544 Liệt sĩ: **CAO MINH THỌ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954

Số bằng: HC 324 bp Quyết định số: 210/TTga ngày 16 tháng 6 năm 1972

545 Liệt sĩ: **TRƯƠNG XUÂN HÙNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Hồng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1972

Số bằng: LG 183 bm Quyết định số: 218/TTga ngày 4 tháng 8 năm 1974

546 Liệt sĩ: **TRẦN DẬU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Quảng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1973

Số bằng: NK 069 bm Quyết định số: 344/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974

547 Liệt sĩ: **LÊ HUY NHUY**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Quảng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1972

Số bằng: NY 464 bm Quyết định số: 487/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1974

548 Liệt sĩ: **LÊ HUY THIẾT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Quảng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1966

Số bằng: BE 323 bm Quyết định số: 286/TTg ngày 8 tháng 12 năm 1971

549 Liệt sĩ: **LÊ THỊ QUYẾT**

Dân công, Nguyên quán: xã Diễn Quảng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 12

Số bằng: LA 895 cm Quyết định số: 218/TTg ngày 4 tháng 5 năm 1974

550 Liệt sĩ: **PHAN TRUNG KHIÊM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Quảng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 6 năm 1967

Số bằng: QM 623 bm Quyết định số: 184/TTga ngày 29 tháng 10 năm 1969

551 Liệt sĩ: **CAO VĂN NĂM**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn An, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1972

Số bằng: LR 261 bm Quyết định số: 259/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1974

552 Liệt sĩ: **HOÀNG KHẮC THƯỜNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn An, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ

An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 1 năm 1983
Số bằng: ĐM 206 bt Quyết định số: 669/CTKT ngày 22 tháng 8 năm 1997

553 Liệt sĩ: CAO VĂN QUYÊN

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn An, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 1 năm 1969
Số bằng: AL 831 bm Quyết định số: 85/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1971

554 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN HỒNG

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn An, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1969
Số bằng: CN 009 bm Quyết định số: 288/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1972

555 Liệt sĩ: CAO XUÂN TÌNH

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn An, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 7AA 694 bt Quyết định số: 58/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1981

556 Liệt sĩ: NGUYỄN ĐỨC BẢO

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn An, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1971
Số bằng: GL 752 bm Quyết định số: 347/TTga ngày 11 tháng 8 năm 1973

557 Liệt sĩ: NGUYỄN TRUNG KỲ

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn An, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 5 năm 1982
Số bằng: ĐK 647 bt Quyết định số: 482/CTKT ngày 1 tháng 10 năm 1983

558 Liệt sĩ: NGUYỄN KIM THÀNH

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn An, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1969
Số bằng: 1K 344 bm Quyết định số: 740/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1977

559 Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN TÂM

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn An, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1975
Số bằng: QG 429 bm Quyết định số: 55/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976

560 Liệt sĩ: PHAN HUY CHÂM

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 9 năm 1968
Số bằng: BA 916 bm Quyết định số: 278/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

561 Liệt sĩ: NGUYỄN BỘT

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 10 năm 1952
Số bằng: GB 930 cp Quyết định số: 287/TTg ngày 17 tháng 3 năm 2003

562 Liệt sĩ: PHAN VIỆT ĐOAN

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1973
Số bằng: VT 692 bm Quyết định số: 347/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

563 Liệt sĩ: **LÊ ANH XUÂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1975
Số bằng: SH 297 bm Quyết định số: 461/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1976

564 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HAI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 12 năm 1952
Số bằng: GH 471 bp Quyết định số: 1228/TTg ngày 11 tháng 10 năm 2003

565 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LAM**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1967
Số bằng: BE 439 bm Quyết định số: 286/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1971

566 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH THẮNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1975
Số bằng: VT 473 bm Quyết định số: 320/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

567 Liệt sĩ: **PHAN VĂN MINH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 1 năm 1968
Số bằng: MB 540 bm Quyết định số: 58/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

568 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH HUẾ**

Thợ lái ca nô, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1967
Số bằng: HM 168 cm Quyết định số: 81/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1971

569 Liệt sĩ: **ĐÀO XUÂN THÀNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1968
Số bằng: GK 936 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1973

570 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẮNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 10 năm 1978
Số bằng: 8Y 498 bt Quyết định số: 739/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

571 Liệt sĩ: **PHAN XUÂN SAN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1967
Số bằng: IM 590 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

- 572 Liệt sĩ: **TĂNG NGỌC NĂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Nguyên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1973
Số bằng: PL 393 bm Quyết định số: 372/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1975
- 573 Liệt sĩ: **PHẠM THANH CHƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Thập, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1972
Số bằng: NY 258 bm Quyết định số: 471/TTga ngày 17 tháng 9 năm 1974
- 574 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CẦU**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Yên, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 1 năm 1968
Số bằng: SH 541 bm Quyết định số: 398/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976
- 575 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐẠI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Yên, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1971
Số bằng: NY 265 bm Quyết định số: 471/TTga ngày 17 tháng 9 năm 1974
- 576 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG THẮNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Yên, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 8 năm 1978
Số bằng: 8B 864 bt Quyết định số: 301/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1979
- 577 Liệt sĩ: **KIỀU QUNAG KỶ**
Tểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trường, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 7 năm 1954
Số bằng: ZC 098 bp Quyết định số: 171/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 578 Liệt sĩ: **TRƯƠNG ĐÌNH LONG**
Tểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trường, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1967
Số bằng: KM 433 bm Quyết định số: 203/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1968
- 579 Liệt sĩ: **CHU BÁ TRẠC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trường, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1968
Số bằng: 5S 178 bm Quyết định số: 725/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1978
- 580 Liệt sĩ: **CHU VĂN HOẠT**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trường, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1971
Số bằng: CK 995 bm Quyết định số: 288/TTga ngày 14 tháng 7 năm 1972
- 581 Liệt sĩ: **CHU QUANG YÊN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trường, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 7 năm 1974
Số bằng: SH 675 bm Quyết định số: 487/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1976

- 582 Liệt sĩ: **CHU DUY TẾ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trường, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1954
Số bằng: EZ 260 bp Quyết định số: 125/TTga ngày 17 tháng 6 năm 1963
- 583 Liệt sĩ: **CHU VĂN THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trường, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1967
Số bằng: MB 087 bm Quyết định số: 51/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1970
- 584 Liệt sĩ: **CHU VĂN TIẾP**
Tàu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trường, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1967
Số bằng: MB 214 bm Quyết định số: 51/TTga ngày 31 tháng 5 năm 1967
- 585 Liệt sĩ: **LÊ KIM LỆ**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trường, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1969
Số bằng: HA 713 bm Quyết định số: 478/TTga ngày 11 tháng 6 năm 1973
- 586 Liệt sĩ: **HÒ THỊ TƯ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trường, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1972
Số bằng: AL 156 bm Quyết định số: 390/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1973
- 587 Liệt sĩ: **CHU VĂN TỤY**
Số bằng: A Đ 535 Quyết định số: 41/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1971
- 588 Liệt sĩ: **LÊ HỒNG CHÍNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Trường, Huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1966
Số bằng: CR 595 bm Quyết định số: 426/TTga ngày 19 tháng 10 năm 1972
- 589 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH TRI (CHI)**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 7 năm 1976
Số bằng: MB 698 bt Quyết định số: 057/TTg ngày 16 tháng 3 năm 1970
- 590 Liệt sĩ: **TRẦN TRỌNG ĐIỆP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 12 năm 1979
Số bằng: 9Q 354 bt Quyết định số: 474/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1980
- 591 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HOA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tháp, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1972
Số bằng: UK 188 bm Quyết định số: 182/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

- 592 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LUÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1971
Số bằng: ĐQ 880 bm Quyết định số: 53/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1973
- 593 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÝ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1970
Số bằng: bt 123 bm Quyết định số: 454/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1975
- 594 Liệt sĩ: **LÊ DUY NGHĨA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 1 năm 1983
Số bằng: AC 635 bt Quyết định số: 229/CTKT ngày 13 tháng 7 năm 1984
- 595 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN MÃN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1966
Số bằng: MZ 401 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1971
- 596 Liệt sĩ: **NGÔ SỸ MƯU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Tháp, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 9 năm 1953
Số bằng: ZF 144 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 597 Liệt sĩ: **LƯƠNG NGỌC NINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Ngọc, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 11 năm 1970
Số bằng: LK 277 bm Quyết định số: 331/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1974
- 598 Liệt sĩ: **LÊ PHỤ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 2 năm 1954
Số bằng: MC 573 bp Quyết định số: 110/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1975
- 599 Liệt sĩ: **CAO VĂN QUẾ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 4 năm 1979
Số bằng: 9X 263 bt Quyết định số: 672/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1960
- 600 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN THAO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1972
Số bằng: NK 243 bm Quyết định số: 345/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974
- 601 Liệt sĩ: **ĐOÀN MINH THIỀU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 2 năm 1979
Số bằng: M 898 bt Quyết định số: 216/CTKT ngày 6 tháng 5 năm 1983

- 602 **Liệt sĩ: TRẦN TRỌNG TRUYỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Lâm, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1970
Số bằng: GK 918 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1973
- 603 **Liệt sĩ: LƯƠNG ĐÌNH CHƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lý, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1968
Số bằng: MT 529 bm Quyết định số: 209/TTga ngày 9 tháng 12 năm 1970
- 604 **Liệt sĩ: LÔ VĂN THÍCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bắc Lý, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1974
Số bằng: QL 679 bm Quyết định số: 561/TTga ngày 29 tháng 2 năm 1976
- 605 **Liệt sĩ: HÙNG VĂN HOÀNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bắc Lý, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1972
Số bằng: LB 658 bm Quyết định số: 326/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1974
- 606 **Liệt sĩ: MOONG VĂN ON**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Na Loi, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: Cg 505 bm Quyết định số: 234/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1972
- 607 **Liệt sĩ: KHA VĂN NHÚI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hữu Kiệm, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1954
Số bằng: DL 325 bp Quyết định số: 531/TTg ngày 3 tháng 11 năm 1993
- 608 **Liệt sĩ: NGUYỄN HỮU ĐIỀNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thọ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 3 năm 1953
Số bằng: ZX 012 bp Quyết định số: 208/TTg ngày 16 tháng 9 năm 1960
- 609 **Liệt sĩ: NGUYỄN CÔNG PHONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thọ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 11 năm 1950
Số bằng: GZ 604 bp Quyết định số: 75/TTga ngày 6 tháng 5 năm 1964
- 610 **Liệt sĩ: NGUYỄN XUÂN SINH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thọ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1972
Số bằng: KV 141 bm Quyết định số: 596/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1973
- 611 **Liệt sĩ: NGUYỄN THANH BÌNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thọ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1969

Số bằng: YD 029 bm Quyết định số: 359/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

612 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG LĨNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thọ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1972

Số bằng: LB 299 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1974

613 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ HUỆ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thọ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1972

Số bằng: KM 213 km Quyết định số: 144/TTga ngày 14 tháng 4 năm 1973

614 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH THỦY**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thọ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 1 năm 1979

Số bằng: 9U 171 kt Quyết định số: 541/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1980

615 Liệt sĩ: **VÕ VĂN NÔI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thạch, Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc năm 1954

Số bằng: ZP 363 bt Quyết định số: 001/TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959

616 Liệt sĩ: **TRẦN QUỐC VĨNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phúc, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1972

Số bằng: LB 706 bm Quyết định số: 326/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1974

617 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN LĨNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Thọ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 2 năm 1981

Số bằng: F 546 bt Quyết định số: 63/CTKT ngày 25 tháng 2 năm 1983

618 Liệt sĩ: **TRẦN BÁ CHÂU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1968

Số bằng: SR 720 bm Quyết định số: 577/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

619 Liệt sĩ: **LÊ CÔNG TÍNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1970

Số bằng: CQ 933 bm Quyết định số: 354/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1972

620 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN DŨNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1971

Số bằng: QI 813 bm Quyết định số: 68 /TTga ngày 27 tháng 2 năm 1976

621 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG SOA**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ

An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1973
Số bằng: LB 481 bm Quyết định số: 226/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1974

622 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG ĐƯỢC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1975
Số bằng: UD 790 bm Quyết định số: 130/TTga ngày 9 tháng 3 năm 1977

623 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ ĐẮC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1967
Số bằng: LG 888 bm Quyết định số: 580/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1974

624 Liệt sĩ: **TRẦN TRỌNG ĐỒNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1969
Số bằng: YT 060 bm Quyết định số: 453/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977

625 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN HỆ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 9 năm 1973
Số bằng: 1L 324 bm Quyết định số: 791/TTga ngày 1 tháng 8 năm 1977

626 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN KHOA**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hương, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 3 năm 1979
Số bằng: F 540 bt Quyết định số: 63/CTKT ngày 25 tháng 2 năm 1983

627 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN TẠO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Thọ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 10 năm 1952
Số bằng: DH 830 cp Quyết định số: 279/TTg ngày 4 tháng 9 năm 1997

628 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ HỘI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NT 516 bm Quyết định số: 489/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1974

629 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH CÚC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1971
Số bằng: VY 611 bm Quyết định số: 367/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977

630 Liệt sĩ: **LƯU ĐÌNH HÙNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 6 năm 1982
Số bằng: DE 183 bt Quyết định số: 190/CTKT ngày 12 tháng 9 năm 1992

631 Liệt sĩ: **ĐẶNG TRỌNG TÝ**

- Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 7 năm 1979
Số bằng: HB 979 bt Quyết định số: 503/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1973
- 632 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN KHƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 7 năm 1978
Số bằng: 8B 648 bt Quyết định số: 287/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1979
- 633 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN MINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 5 năm 1978
Số bằng: 8Q 985 bt Quyết định số: 575/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979
- 634 Liệt sĩ: **LÊ THANH HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1972
Số bằng: YT 069 bm Quyết định số: 453/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977
- 635 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY THÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Thọ, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9Q 707 bt Quyết định số: 468/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1980
- 636 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY TOÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phúc Thọ huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 1 năm 1985
Số bằng: BN 457 bt Quyết định số: 159/CTKT ngày 15 tháng 7 năm 1987
- 637 Liệt sĩ: **VÕ ĐÌNH LONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Kiều, huyện Nghi Lộc , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1966
Số bằng: VS 723 bm Quyết định số: 324/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 638 Liệt sĩ: **ĐẶNG THẾ HOÀNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 12 năm 1951
Số bằng: ZU 496 bp Quyết định số: 152/TTg ngày 12 tháng 7 năm 1960
- 639 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU YÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 1 năm 1951
Số bằng: ZU 674 bp Quyết định số: 152/TTg ngày 12 tháng 7 năm 1960
- 640 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH HỮU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1971
Số bằng: CR 506 bm Quyết định số: 386/TTg ngày 19 tháng 9 năm 1972

- 641 Liệt sĩ: **ĐẶNG DOÃN HIỆU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc năm 1976
Số bằng: 8B 579 bt Quyết định số: 283/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1979
- 642 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN NHƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Long, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949
Số bằng: RA 459 bp Quyết định số: 168/TTga ngày 5 tháng 5 năm 1976
- 643 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH NUÔI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: , tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1952
Số bằng: GZ 594 bp Quyết định số: 75/TTga ngày 6 tháng 5 năm 1964
- 644 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUỐC LỄ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: , tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1968
Số bằng: ĐS 659 bm Quyết định số: 50/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1973
- 645 Liệt sĩ: **PHAN VĂN CHIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán xã Nghi Thiết, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 9 năm 1972
Số bằng: EH 805 bm Quyết định số: 121/TTga ngày 5 tháng 2 năm 1973
- 646 Liệt sĩ: **PHAN XUÂN CHIÊN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán xã Nghi Thiết, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 12 năm 1969
Số bằng: LR 060 bm Quyết định số: 255/TTga ngày 21 tháng 5 năm 1974
- 647 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN DÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán xã Nghi Thiết, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 11 năm 1980
Số bằng: AQ 633 bt Quyết định số: 306/CTKT ngày 7 tháng 8 năm 1985
- 648 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THOÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán xã Nghi Thiết, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 6 năm 1950
Số bằng: GZ 641 bp Quyết định số: 75/TTga ngày 6/ tháng 5/ năm 1964
- 649 Liệt sĩ: **ĐẬU XUÂN THƯ**
Số bằng: MK 781 Quyết định số: 196/TTga ngày 13 tháng 8 năm 1970
- 650 Liệt sĩ: **VŨ HÒ BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thiết, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1972
Số bằng: PK 857 bm Quyết định số: 349/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1975
- 651 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHƯƠNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thiết, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 11 năm 1966
Số bằng: BB 450 bm Quyết định số: 279/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

652 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU NAM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 3 năm 1978
Số bằng: 8Q 999 bt Quyết định số: 575/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979

653 Liệt sĩ: **LÊ MINH NGỌC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1968
Số bằng: NV 396 bm Quyết định số: 455/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1974

654 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG VỸ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1969
Số bằng: HB 964 bm Quyết định số: 503/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1973

655 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG THÁI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1968
Số bằng: MB 736 bm Quyết định số: 57/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

656 Liệt sĩ: **VÕ ĐÌNH BIÊN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 5 năm 1978
Số bằng: 9Q 281 bt Quyết định số: 469/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1980

657 Liệt sĩ: **LƯU VĂN NĂM**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1968
Số bằng: ĐN 026 bm Quyết định số: 475/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1972

658 Liệt sĩ: **CAO VĂN DUNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1971
Số bằng: ĐS 330 bm Quyết định số: 27/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1973

659 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HÌNH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1970
Số bằng: VY 386 bm Quyết định số: 315/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

660 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HẰNG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 9 năm 1966
Số bằng: BA 983 bm Quyết định số: 278/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

- 661 Liệt sĩ: **LƯU ĐÌNH NAM**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1970
 Số bằng: BL 672 bm Quyết định số: 29/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972
- 662 Liệt sĩ: **LÊ PHẠM HOẠCH**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1972
 Số bằng: 9Q 416 bm Quyết định số: 469 /TTga ngày 7 tháng 1 năm 1980
- 663 Liệt sĩ: **HỒ XUÂN THẢO**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1974
 Số bằng: SI 131 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1976
- 664 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH VÂN**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Tiến, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1970
 Số bằng: AP 917 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1971
- 665 Liệt sĩ: **NGUYỄN DANH TRÌNH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Mỹ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 2 năm 1979
 Số bằng: 2AA 294 bt Quyết định số: 10/TTg ngày 9 tháng 1 năm 1981
- 666 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHIÊM**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Mỹ, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1968
 Số bằng: VY 568 bm Quyết định số: 367/TTg ngày 27 tháng 4 năm 1977
- 667 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY VINH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1968
 Số bằng: MB 731 bm Quyết định số: 57 /TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970
- 668 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH VINH**
 Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1966
 Số bằng: IM 349 bm Quyết định số: 178/TTg ngày 1 tháng 10 năm 1968
- 669 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH ĐƯỜNG**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1975
 Số bằng: UD 781 bm Quyết định số: 130/TTga ngày 9 tháng 3 năm 1977
- 670 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THẾ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1975
 Số bằng: UH 223 bm Quyết định số: 157/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

- 671 Liệt sĩ: **LÊ VĂN QUANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 7 năm 1958
Số bằng: 8R 042 bm Quyết định số: 575/TTga ngày 14 tháng 18 năm 1979
- 672 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH MINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1972
Số bằng: GZ 591 bm Quyết định số: 75/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1964
- 673 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH DÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 5 năm 1954
Số bằng: GZ 544 bp Quyết định số: 75/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1964
- 674 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH TUỆ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1968
Số bằng: RA 561 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 5 tháng 5 năm 1976
- 675 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH HỒNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1969
Số bằng: GK 842 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1973
- 676 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÉ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 11 năm 1977
Số bằng: 7A 263 bt Quyết định số: 1299/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1978
- 677 Liệt sĩ: **LÊ ANH ĐỨC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1972
Số bằng: PB 570 bm Quyết định số: 2637/TTga ngày 13 tháng 9 năm 1975
- 678 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH LIÊU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 0 tháng 0 năm 1966
Số bằng: BE 434 bm Quyết định số: 286/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1971
- 679 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH KHIẾNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 0 năm 1952
Số bằng: ZQ 4,580 bp Quyết định số: 424/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1959
- 680 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH CỘNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1969

Số bằng: MR 759 bm Quyết định số: 719/TTGa ngày 16 tháng 8 năm 1970

- 681 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIẾU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 4 năm 1975
Số bằng: SR 563 bp Quyết định số: 577/TTGa ngày 31 tháng 12 năm 1976
- 682 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU NHÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hợp, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 0 năm 1949
Số bằng: GZ 601 bp Quyết định số: 70/TTGa ngày 15 tháng 6 năm 1964
- 683 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHÂU**
Hội viên Nông hội đỏ, Nguyên quán: xã Nghi Phong, huyện Nghi lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 7 tháng 3 năm 1931
Số bằng: ZC 546 cp Quyết định số: 75/TTGa ngày 15 tháng 6 năm 1964
- 684 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phong, huyện Nghi lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 3 năm 1978
Số bằng: 9QK 444 bt Quyết định số: 474/TTGa ngày 4 tháng 7 năm 1980
- 685 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phong, huyện Nghi lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 3 năm 1972
Số bằng: KL 784 bm Quyết định số: 573/TTGa ngày 17 tháng 12 năm 1973
- 686 Liệt sĩ: **ĐÀM VĂN TUYẾT**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Vinh, huyện Kim động, tỉnh Hưng Yên, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1972
Số bằng: GK 636 bm Quyết định số: 335/TTGa ngày 8 tháng 8 năm 1972
- 687 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH HỒNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phong, huyện Nghi lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1973
Số bằng: KQ 797 bm Quyết định số: 86TTg ngày 7 tháng 3 năm 1974
- 688 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH NGHỊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hưng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 11 năm 1978
Số bằng: bt 099 bt Quyết định số: 317 CTKT ngày 23 tháng 12 năm 1987
- 689 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HỢI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thịnh, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 1 năm 1972
Số bằng: LK 224 bm Quyết định số: 331 /TTGa ngày 25 tháng 6 năm 1974
- 690 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ

An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1969
Số bằng: VS 939 bm Quyết định số: 359/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

691 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHI HÙNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1968
Số bằng: BL 356 bm Quyết định số: 17/TTga ngày 1 tháng 7 năm 1972

692 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ÁT**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 0 tháng 10 năm 1968
Số bằng: NK 026 bm Quyết định số: 344/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1974

693 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG LIỄU**

Y tá đơn vị Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1967
Số bằng: AM 366 cm Quyết định số: 48/TTga ngày 15 tháng 3 năm 1968

694 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC NHU**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1966
Số bằng: QN 048 bm Quyết định số: 56/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976

695 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THÍCH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1972
Số bằng: LA 805 bm Quyết định số: 289/TTga ngày 6 tháng 8 năm 1974

696 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN KIM**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1972
Số bằng: KL 790 bm Quyết định số: 578/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1973

697 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG THĂNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1969
Số bằng: MO 181 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1970

698 Liệt sĩ: **LÊ THỊ THANH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1967
Số bằng: bm 201 cm Quyết định số: 235/TTga ngày 17 tháng 12 năm 1968

699 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG KIẾN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1966
Số bằng: NM 467 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1969

700 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÂM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 31 tháng 3 năm 1978
Số bằng: 8B 791 bt Quyết định số: 288/TTGa ngày 23 tháng 4 năm 1979

701 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG THI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1966
Số bằng: VT 544 bm Quyết định số: 317/TTGa ngày 20 tháng 4 năm 1977

702 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG ĐƯỜNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1970
Số bằng: AP 802 bm Quyết định số: 221/TTGa ngày 9 tháng 6 năm 1971

703 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN PHƯỚC**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1968
Số bằng: ĐK 969 bm Quyết định số: 25/TTGa ngày 2 tháng 7 năm 1973

704 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LUYỆN**

Đại úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NK 207 bm Quyết định số: 345/TTGa ngày 7 tháng 2 năm 1974

705 Liệt sĩ: **PHẠM THANH TỊNH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 2 năm 1968
Số bằng: GJ 483 bm Quyết định số: 390/TTGa ngày 9 tháng 4 năm 1973

706 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN CẢNH**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1970
Số bằng: VY 542 bm Quyết định số: 367/TTGa ngày 27 tháng 4 năm 1977

707 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ TỪ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1972
Số bằng: UA 565 bm Quyết định số: 172/TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1977

708 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ THẾ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 4 năm 1986
Số bằng: CD 994 bt Quyết định số: 08/CTKT ngày 5 tháng 1 năm 1989

709 Liệt sĩ: **VÕ ĐÌNH CHUÔNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1971
Số bằng: 9I 574 bm Quyết định số: 07/TTGa ngày 1 tháng 5 năm 1980

- 710 Liệt sĩ: **CHẾ ĐÌNH TRẠM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZQ 4,512 bp Quyết định số: 424/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1959
- 711 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÁI BÌNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 1 năm 1984
Số bằng: AK 764 bt Quyết định số: 381/CTKT ngày 11 tháng 7 năm 1984
- 712 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG VIỆT**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 8 năm 1967
Số bằng: ĐK 953 bm Quyết định số: 25/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1973
- 713 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DỤC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Trung, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 8Y 141 bt Quyết định số: 731/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979
- 714 Liệt sĩ: **LƯU VĂN SƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 8 năm 1979
Số bằng: 9Q 649 bt Quyết định số: 463/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1980
- 715 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH TỰ**
Trợ lý chính trị viên tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 10 năm 1971
Số bằng: RA 552 bm Quyết định số: 168 /TTga ngày 5 tháng 5 năm 1976
- 716 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HUỆ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 5 năm 1985
Số bằng: BB 046 bt Quyết định số: 135 CTKT ngày 14 tháng 5 năm 1986
- 717 Liệt sĩ: **CAO XUÂN THUẬN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Diễn Minh, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1970
Số bằng: AP 912 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1971
- 718 Liệt sĩ: **LÊ HỮU THÀNH**
Chính trị viên phó tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thu, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1971
Số bằng: CV 037 bm Quyết định số: 354 /TTga ngày 24 tháng 8 năm 1972
- 719 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LUẬN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An,

đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 8Y 301 bt Quyết định số: 739/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

720 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIÊU**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Viên thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 5 năm 1953

Số bằng: ZU 594 bp Quyết định số: 152 TTg ngày 7/ tháng 2/ năm 1960

721 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ CÀN**

Trợ lý Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Văn, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1969

Số bằng: ĐS 272 bm Quyết định số: 27/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1973

722 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LƯƠNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thu, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1975

Số bằng: YS 042 bm Quyết định số: 467 /TTga ngày 25 tháng 5 năm 1977

723 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH HUỆ**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thu, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 2 năm 1969

Số bằng: GP 749 bm Quyết định số: 347 /TTga ngày 11 tháng 8 năm 1973

724 Liệt sĩ: **TRẦN CÔNG THỌ**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 01 năm 1952

Số bằng: ZQ 4,507 bp Quyết định số: 424/TTg ngày 12 tháng 1 năm 1959

725 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIẾN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1971

Số bằng: KQ 783 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 7 tháng 3 năm 1974

726 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN NAM**

Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1972

Số bằng: ON 325 bm Quyết định số: 651/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1974

727 Liệt sĩ: **CAO VĂN NGHIÊM**

Chiến sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1972

Số bằng: NY 345 bm Quyết định số: 471/TTga ngày 17 tháng 9 năm 1974

728 Liệt sĩ: **HOÀNG XUÂN NGUỒN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 11 năm 1951

Số bằng: MC 571 bp Quyết định số: 110/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1975

- 729 **Liệt sĩ: HOÀNG PHÚC THÂN**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1967
 Số bằng: BE 333 bm Quyết định số: 286/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1971
- 730 **Liệt sĩ: NGÔ VĂN MẠNH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 0 tháng 12 năm 1972
 Số bằng: NY 373 bm Quyết định số: 487/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1974
- 731 **Liệt sĩ: HOÀNG XUÂN KỶ**
 Cán bộ tiền lương sở, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1972
 Số bằng: AI 803 cm Quyết định số: 383/CTKT ngày 7 tháng 11 năm 1984
- 732 **Liệt sĩ: TRẦN CÔNG HIỀN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1975
 Số bằng: UK 136 bm Quyết định số: 193/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977
- 733 **Liệt sĩ: DƯƠNG MINH TƯỜNG**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1971
 Số bằng: QL 635 bm Quyết định số: 56/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976
- 734 **Liệt sĩ: NGUYỄN NHƯ MINH**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1969
 Số bằng: QG 629 bm Quyết định số: 55/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976
- 735 **Liệt sĩ: NGÔ THỊ THANH**
 Công nhân quốc phòng, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1970
 Số bằng: HM 606 cm Quyết định số: 100/TTga ngày 23 tháng 3 năm 1972
- 736 **Liệt sĩ: ĐẬU XUÂN LAI**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1972
 Số bằng: KL 989 bm Quyết định số: 578/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1973
- 737 **Liệt sĩ: ĐẬU XUÂN CHÂN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1965
 Số bằng: CQ 972 bm Quyết định số: 354/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1972
- 738 **Liệt sĩ: LÊ HUY THANH**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 9 năm 1974

Số bằng: SR 635 bm Quyết định số: 577/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

739 Liệt sĩ: **HOÀNG PHÚC SO**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1970

Số bằng: UA 379 bm Quyết định số: 192/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

740 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH LÂM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 1 năm 1952

Số bằng: ZD 025 bp Quyết định số: 171/TTg ngày 4 tháng 3 năm 1957

741 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH LIÊM**

Cán bộ Hợp tác xã, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1968

Số bằng: cm 323 cm Quyết định số: 57/CTKT ngày 4 tháng 3 năm 1990

742 Liệt sĩ: **ĐẠU NGỌC KHÁNH**

Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1972

Số bằng: KQ 807 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 7 tháng 3 năm 1974

743 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN NHUNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1965

Số bằng: BE 341 bm Quyết định số: 286/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1971

744 Liệt sĩ: **PHAN VĂN ĐỊNH**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1972

Số bằng: OI 815 bm Quyết định số: 03/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1975

745 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN THANH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 10 năm 1966

Số bằng: LG 832 bm Quyết định số: 580/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1974

746 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH HUÂN**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1972

Số bằng: KL 922 bm Quyết định số: 5878/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1973

747 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN ĐỀ (ĐỀ)**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Yên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 9 năm 1967

Số bằng: MB 301 bm Quyết định số: 51/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1970

748 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TÝ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thuận, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ

An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968

Số bằng: MB 209 bm Quyết định số: 51 /TTga ngày 3 tháng 3 năm 1970

749 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MY**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thuận, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1972

Số bằng: RA 442 bm Quyết định số: 168 /TTga ngày 5 tháng 5 năm 1976

750 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ NGHINH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thuận, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969

Số bằng: VM 277 bm Quyết định số: 15 /TTga ngày 15 tháng 1 năm 1970

751 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỢI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thuận, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969

Số bằng: VY 444 bm Quyết định số: 315/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

752 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHÂU**

Hội viên Nông hội đỏ, Nguyên quán: xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp đấu tranh cách mạng và giải phóng dân tộc, ngày 7 tháng 3 năm 1931

Số bằng: ZC 546 cp Quyết định số: 75/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1964

753 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HÙNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 3 năm 1978

Số bằng: 9Q 444 bt Quyết định số: 474 /TTga ngày 4 tháng 7 năm 1980

754 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ BÌNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 1 năm 1972

Số bằng: KL 784 bm Quyết định số: 573 /TTga ngày 17 tháng 12 năm 1973

755 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH HỒNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phong, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1973

Số bằng: KQ 797 bm Quyết định số: 86/TTg ngày 7 tháng 3 năm 1974

756 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐÌNH HỢP**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phương, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1965

Số bằng: BB 165 bm Quyết định số: 278 /TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

757 Liệt sĩ: **ĐẬU VĂN TUẤN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phương, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 2 năm 1973

Số bằng: TY 490 bm Quyết định số: 168 /TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

758 Liệt sĩ: **CHU VĂN SINH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phương, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1973
Số bằng: LA 762 bm Quyết định số: 38 /TTga ngày 26 tháng 1 năm 1974

759 Liệt sĩ: **CAO ĐỨC LẠNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phương, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1970
Số bằng: QV 500 bm Quyết định số: 150 /TTga ngày 28 tháng 4 năm 1976

760 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH MẠN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phương, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 11 năm 1967
Số bằng: MB 201 bm Quyết định số: 51 /TTga ngày 3 tháng 3 năm 1970

761 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐÌNH HƯỜNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phương, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 12 năm 1972
Số bằng: UB 811 bm Quyết định số: 158/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

762 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN TIẾN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phương, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 7 năm 1972
Số bằng: QL 598 bm Quyết định số: 52 /TTga ngày 17 tháng 2 năm 1976

763 Liệt sĩ: **CAO ĐỨC HÙNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phương, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1969
Số bằng: GP 750 bm Quyết định số: 347 /TTga ngày 11 tháng 8 năm 1973

764 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NGHI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Phương, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1969
Số bằng: VT 407 bm Quyết định số: 350 /TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

765 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TÀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Đồng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1972
Số bằng: KQ 910 bm Quyết định số: 34/TTga ngày 17 tháng 1 năm 1974

766 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NGÀ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Đồng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1974
Số bằng: VT 402 bm Quyết định số: 350/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

767 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT HÙNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Đồng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 3 năm 1978
Số bằng: 7X 497 bt Quyết định số: 187/TTga ngày 9 tháng 3 năm 1979

- 768 Liệt sĩ: **VƯƠNG VĂN VIỄN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Nghi Đồng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 5 năm 1979
Số bằng: 4AA 386 bt Quyết định số: 233/TTga ngày 12 tháng 6 năm 1981
- 769 Liệt sĩ: **HOÀNG TRẦN THỤ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Nghi Đồng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 8 năm 1974
Số bằng: QL 319 bm Quyết định số: 41/TTga ngày 10 tháng 2 năm 1976
- 770 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN DÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Nghi Đồng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1971
Số bằng: EH 825 bm Quyết định số: 121/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1973
- 771 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN LONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Nghi Đồng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1972
Số bằng: VS 738 bm Quyết định số: 324/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 772 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHÚ TỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Nghi Đồng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 0 tháng 10 năm 1972
Số bằng: HV 508 bm Quyết định số: 148/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 773 Liệt sĩ: **TRẦN BÁ ĐẠO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Nghi Đồng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1970
Số bằng: KQ 722 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1974
- 774 Liệt sĩ: **ĐINH BẠT CHƯƠNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Nghi Đồng, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 7 năm 1986
Số bằng: BN 607 bt Quyết định số: 159/CTKT ngày 15 tháng 7 năm 1987
- 775 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRÍ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thái, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1972
Số bằng: GJ 489 bm Quyết định số: 390 /TTga ngày 4 tháng 9 năm 1973
- 776 Liệt sĩ: **PHẠM QUỐC NĂM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thái, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 11 năm 1974
Số bằng: VT 339 bm Quyết định số: 350 /TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 777 Liệt sĩ: **UÔNG MINH TUẤN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Thái, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1972
Số bằng: RA 571 bm Quyết định số: 168 /TTga ngày 5 tháng 5 năm 1976

- 778 Liệt sĩ: **HOÀNG NGHĨA VỸ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1975
Số bằng: UB 856 bm Quyết định số: 167 /TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 779 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY VINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 8 năm 1985
Số bằng: DE 197 bt Quyết định số: 190 CTKT ngày 12 tháng 9 năm 1992
- 780 Liệt sĩ: **HOÀNG NGHĨA TƯ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1973
Số bằng: R 1,382 bm Quyết định số: 92/TTga ngày 18 tháng 3 năm 1972
- 781 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC TUYẾN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1972
Số bằng: KV 209 bm Quyết định số: 599 /TTga ngày 31 tháng 12 năm 1973
- 782 Liệt sĩ: **ĐINH BẠT TUẤN**
Dân công, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 9 năm 1952
Số bằng: CH 193 bp Quyết định số: 185 CTKT ngày 27 tháng 9 năm 1989
- 783 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHỎ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1972
Số bằng: QN 068 bm Quyết định số: 56/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976
- 784 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TƯ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 12 năm 1968
Số bằng: MG 977 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1970
- 785 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC HÒA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1972
Số bằng: HZ 339 bm Quyết định số: 113 /TTga ngày 19 tháng 7 năm 1965
- 786 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NÊN**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1964
Số bằng: DE 146 bm Quyết định số: 190 CTKT ngày 12 tháng 9 năm 1992
- 787 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN YÊM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 11 năm 1981

Số bằng: DL 675 bt Quyết định số: 50 TTg ngày 2 tháng 2 năm 1994

- 788 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY KÝ**
Thiếu tá Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: MT 127 bm Quyết định số: 270/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1970
- 789 Liệt sĩ: **HOÀNG NGHĨA HÒA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 1/12/1900 năm 1978
Số bằng: 9T 731 bt Quyết định số: 559/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1980
- 790 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN HIỂN**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 11 năm 1968
Số bằng: BA 999 bm Quyết định số: 278 /TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971
- 791 Liệt sĩ: **PHẠM HỮU THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 3 năm 1969
Số bằng: MĐ 146 bm Quyết định số: 62 /TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970
- 792 Liệt sĩ: **ĐÀM XUÂN TUỆ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1966
Số bằng: BB 384 bm Quyết định số: 279 /TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971
- 793 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGỌC**
Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1969
Số bằng: ĐN 054 bm Quyết định số: 475/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1972
- 794 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HOÀNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1966
Số bằng: VY 436 bm Quyết định số: 315/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 795 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ ĐIỀU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 8 năm 1969
Số bằng: BA 965 bm Quyết định số: 278 /TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971
- 796 Liệt sĩ: **ĐINH BẠT LỊCH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 6 năm 1968
Số bằng: MB 242 bm Quyết định số: 51 /TTga ngày 3 tháng 3 năm 1970
- 797 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH VINH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1969
Số bằng: QI 908 bm Quyết định số: 68 /TTGa ngày 27 tháng 2 năm 1976

798 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THANH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1968
Số bằng: MT 178 bm Quyết định số: 272 /TTGa ngày 14 tháng 11 năm 1970

799 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DUYÊN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9X 115 bt Quyết định số: 655 /TTGa ngày 8 tháng 10 năm 1980

800 Liệt sĩ: **ĐẶNG TẮT BÌNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1970
Số bằng: BL 171 bm Quyết định số: 36 /TTGa ngày 27 tháng 1 năm 1972

801 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ NHƯ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KQ 966 bm Quyết định số: 34 /TTGa ngày 17 tháng 1 năm 1974

802 Liệt sĩ: **PHAN VĂN TÂN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 3 năm 1972
Số bằng: HV 503 bm Quyết định số: 148 /TTGa ngày 9 tháng 4 năm 1974

803 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CẢNH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1968
Số bằng: MZ 450 bm Quyết định số: 86- /TTGa ngày 4 tháng 9 năm 1971

804 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỨC**

Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1973
Số bằng: UĐ 756 bm Quyết định số: 130/TTGa ngày 9 tháng 3 năm 1977

805 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN QUYẾT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1969
Số bằng: MĐ 120 bm Quyết định số: 62-/TTGa ngày 27 tháng 3 năm 1970

806 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG HIẾN**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 8 năm 1979
Số bằng: 7AA 607 bt Quyết định số: 075-CT/KT ngày 11 tháng 4 năm 1981

- 807 Liệt sĩ: **ĐẶNG THÁI VINH**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc năm 1979
Số bằng: 9U 212 bt Quyết định số: 541 /TTga ngày 8 tháng 8 năm 1980
- 808 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN SƠN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 2 năm 1966
Số bằng: RB 083 bm Quyết định số: 149 /TTga ngày 28 tháng 4 năm 1967
- 809 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH SƠN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc năm 1978
Số bằng: 4AA 293 bt Quyết định số: 230 /TTga ngày 12 tháng 6 năm 1981
- 810 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN ĐƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 31 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 8Y 175 bt Quyết định số: 731/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979
- 811 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN NA**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 10 năm 1968
Số bằng: VT 331 bm Quyết định số: 350 /TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 812 Liệt sĩ: **ĐẶNG PHÚ QUỐC**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Hoa, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1972
Số bằng: KQ 824 bm Quyết định số: 86 /TTga ngày 3 tháng 7 năm 1974
- 813 Liệt sĩ: **NGÔ THỊ LIÊN**
Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1968
Số bằng: HM 566 cm Quyết định số: 39/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972
- 814 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN NHỊ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 8Y 342 bt Quyết định số: 739/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979
- 815 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY HÙNG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1969
Số bằng: GK 844 bm Quyết định số: 397 /TTga ngày 8 tháng 9 năm 1973
- 816 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY HỢP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Công, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 6 năm 1949
Số bằng: QI 149 bp Quyết định số: 11/TTga ngày 10 tháng 1 năm 1976

- 817 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LAM**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1967
Số bằng: BL 369 bm Quyết định số: 17/TTga ngày 7 tháng 1 năm 1972
- 818 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ TĨNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1969
Số bằng: YA 129 bm Quyết định số: 310/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1977
- 819 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH CHUÔNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 10 năm 1982
Số bằng: Q 025 bt Quyết định số: 317 CTKT ngày 9/ tháng 4/ năm 1983
- 820 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THUẬN**
Công nhân, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 9 năm 1971
Số bằng: V 267 km Quyết định số: 08 CTKT ngày 11 tháng 1 năm 1984
- 821 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÁT**
Cán bộ phòng lương thực, Nghi lộc, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1966
Số bằng: DL 812 cm Quyết định số: 45 TTg ngày 31 tháng 1 năm 1994
- 822 Liệt sĩ: **ĐẬU VĂN TRUNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 6 năm 1983
Số bằng: BN 456 bt Quyết định số: 159 CTKT ngày 15 tháng 7 năm 1987
- 823 Liệt sĩ: **PHÙNG BÁ DANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 7 năm 1978
Số bằng: 8Q 786 bt Quyết định số: 585 /TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979
- 824 Liệt sĩ: **ĐẬU KHẮC HUỆ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 9 năm 1978
Số bằng: 9I 684 bt Quyết định số: 19/TTga ngày 5 tháng 1 năm 1980
- 825 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC TÝ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1973
Số bằng: ĐK 975 bm Quyết định số: 25/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1973
- 826 Liệt sĩ: **VƯƠNG ĐÌNH THÀNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 9 năm 1982

Số bằng: BB 034 bt Quyết định số: 73 CTKT ngày 3/ tháng 9/ năm 1986

827 Liệt sĩ: **HOÀNG THANH PHONG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1972

Số bằng: PB 681 bm Quyết định số: 191 /TTGa ngày 23 tháng 5 năm 1975

828 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG ĐỊNH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 10 năm 1967

Số bằng: MZ 383 bm Quyết định số: 86 /TTGa ngày 9 tháng 4 năm 1971

829 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN THU**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 12 năm 1978

Số bằng: 9U 162 bt Quyết định số: 541 /TTGa ngày 8 tháng 8 năm 1980

830 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÁT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969

Số bằng: MO 205 bm Quyết định số: 154 /TTGa ngày 25 tháng 6 năm 1970

831 Liệt sĩ: **NGUYỄN ÁNH HỒNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 11 năm 1978

Số bằng: 2AB 774 bt Quyết định số: 253 CTKT ngày 8 tháng 9 năm 1982

832 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỊNH**

Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1972

Số bằng: UD 720 bm Quyết định số: 130/TTGa ngày 9 tháng 3 năm 1977

833 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC LONG**

Y sĩ, Nguyên quán: xã Nghi Xuân, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 7 năm 1972

Số bằng: QM 280 cm Quyết định số: 161/TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1977

834 Liệt sĩ: **NGUYỄN KẾ CƯƠNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 5 năm 1953

Số bằng: GZ 522 bp Quyết định số: 75 /TTGa ngày 6/ tháng 5/ năm 1964

835 Liệt sĩ: **VÕ VĂN KHIÊM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1953

Số bằng: LC 806 bp Quyết định số: 440 /TTGa ngày 28 tháng 8 năm 1974

836 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG ĐỨC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Xá, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ

An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1969
Số bằng: CK 964 bm Quyết định số: 288 /TTga ngày 14 tháng 7 năm 1972

837 Liệt sĩ: **BÙI VĂN AN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Vạn, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 7 năm 1970
Số bằng: SR 527 bm Quyết định số: 577/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

838 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN LỘC**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Diên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1969
Số bằng: BB 233 bm Quyết định số: 278 /TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

839 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU CHÂU**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1972
Số bằng: QG 500 bm Quyết định số: 55 /TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976

840 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH NIÊN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Diên - huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1965
Số bằng: HZ 491 bm Quyết định số: 114 /TTga ngày 23 tháng 7 năm 1965

841 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH MÃO**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 1 năm 1975
Số bằng: RA 432 bm Quyết định số: 168 /TTga ngày 5 tháng 5 năm 1976

842 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRUYỀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Diên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: RA 573 bm Quyết định số: 168 /TTga ngày 5 tháng 5 năm 1976

843 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHÍ MINH**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Quang, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 1 năm 1985
Số bằng: BB 145 bm Quyết định số: 135 CTKT ngày 14 tháng 5 năm 1986

844 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NÔNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Quang, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 12 năm 1965
Số bằng: ĐH 795 bm Quyết định số: 480/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1972

845 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐÀO (ĐÀO)**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Quang, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 2 năm 1954
Số bằng: XG 315 bp Quyết định số: 226 TTg ngày 5/ tháng /1 năm 1958

846 Liệt sĩ: **ĐẶNG BÁ LƯU**

Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghi Quang, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1970
Số bằng: cp 264 bm Quyết định số: 298/TTGa ngày 27 tháng 7 năm 1972

847 Liệt sĩ: **PHAN VĂN NGƯƠN**

Đội viên dân quân, Nguyên quán: xã Nam Cát, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1968
Số bằng: AM 971 km Quyết định số: 132/TTGa ngày 1 tháng 6 năm 1970

848 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CƯƠNG**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Diên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1969
Số bằng: YP 415 bm Quyết định số: 468/TTGa ngày 25 tháng 5 năm 1977

849 Liệt sĩ: **THÁI VĂN HIỀN**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Diên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1966
Số bằng: CQ 804 bm Quyết định số: 17/CTKT ngày 17 tháng 2 năm 1991

850 Liệt sĩ: **TRẦN BÁ THỊNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Diên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 6 năm 1978
Số bằng: 7AA 721 bt Quyết định số: 58/CTKT ngày 23 tháng 10 năm 1981

851 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HỢI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Diên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1968
Số bằng: OI 879 bm Quyết định số: 03/TTGa ngày 3 tháng 1 năm 1975

852 Liệt sĩ: **PHAN VĂN HOÁN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Diên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 9 năm 1972
Số bằng: CK 990 bm Quyết định số: 288/TTGa ngày 14 tháng 7 năm 1972

853 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN THÌN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bình Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 11 năm 1971
Số bằng: PI 788 bm Quyết định số: 358/TTGa ngày 9 tháng 9 năm 1975

854 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY SƠN**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Diên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1969
Số bằng: MR 742 bm Quyết định số: 256/TTGa ngày 27 tháng 10 năm 1970

855 Liệt sĩ: **NGUYỄN HẢI ĐỒNG**

Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Diên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1972
Số bằng: UD 751 bm Quyết định số: 130/TTGa ngày 9 tháng 3 năm 1977

- 856 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN HÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Diên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 2 năm 1978
Số bằng: 7A 408 bt Quyết định số: 1321/TTga ngày 22 tháng 11 năm 1978
- 857 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐÀI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1973
Số bằng: VT 648 bm Quyết định số: 374/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 858 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 2 năm 1954
Số bằng: ZA 381 bp Quyết định số: 173/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1972
- 859 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY HÒA**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9I 657 bt Quyết định số: 19/TTga ngày 5 tháng 1 năm 1980
- 860 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ LIÊU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lâm, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1972
Số bằng: 2Đ 163 bm Quyết định số: 1186/TTga ngày 12 tháng 10 năm 1977
- 861 Liệt sĩ: **TẠ QUANG PHI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Quang, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1968
Số bằng: GR 602 bm Quyết định số: 385 /TTga ngày 4 tháng 9 năm 1973
- 862 Liệt sĩ: **PHAN VĂN NÔNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Lĩnh, huyện Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 6 năm 1985
Số bằng: BK 064 bt Quyết định số: 47/CTKT ngày 4 tháng 3 năm 1987
- 863 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN HÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Phúc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1967
Số bằng: bt 709 bm Quyết định số: 101/TTga ngày 23 tháng 3 năm 1972
- 864 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG VẠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Phúc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 9 năm 1951
Số bằng: XG 368 bp Quyết định số: 226/TTga ngày 5 tháng 1 năm 1958
- 865 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Nghĩa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 6 năm 1978
Số bằng: CL 008 bt Quyết định số: 574/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979

- 866 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LẬP**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Nghĩa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1972
 Số bằng: NY 320 bm Quyết định số: 471/TTga ngày 17 tháng 9 năm 1974
- 867 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TƯ**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Vân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1970
 Số bằng: AR 786 bm Quyết định số: 162/TTga ngày 6 tháng 7 năm 1971
- 868 Liệt sĩ: **TÔN VĂN THẮNG**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1971
 Số bằng: EK 258 bm Quyết định số: 144/TTga ngày 14 tháng 4 năm 1973
- 869 Liệt sĩ: **NGUYỄN TỪ TAM**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1971
 Số bằng: ĐH 829 bm Quyết định số: 480/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1972
- 870 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG KHANG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 1 năm 1954
 Số bằng: ZA 218 bp Quyết định số: 226/TTga ngày 12 tháng 6 năm 1957
- 871 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỒNG NGŨ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1966
 Số bằng: NM 455 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1969
- 872 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NUÔI**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 4 năm 1961
 Số bằng: QO 405 bm Quyết định số: 72/TTga ngày 2 tháng 3 năm 1976
- 873 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TAM**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1966
 Số bằng: 8E 510 bm Quyết định số: 367/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1979
- 874 Liệt sĩ: **NGÔ CÔNG NHẢ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 11 năm 1968
 Số bằng: MO 998 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1970
- 875 Liệt sĩ: **NGÔ CÔNG NHUẬN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 9 năm 1970

Số bằng: EG 636 bm Quyết định số: 130/TTga ngày 12 tháng 4 năm 1973

876 Liệt sĩ: **NGÔ CÔNG CẬT**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1966

Số bằng: SH 544 bm Quyết định số: 398/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

877 Liệt sĩ: **NGÔ CÔNG BÁT**

Đội viên dân quân, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 3 năm 1966

Số bằng: DP 885 km Quyết định số: 169/TTga ngày 17 tháng 3 năm 1995

878 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN QUẾ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1969

Số bằng: MF 962 bm Quyết định số: 117/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1970

879 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NHỊ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1973

Số bằng: KQ 679 bm Quyết định số: 23/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1974

880 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC BẦY**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 10 năm 1972

Số bằng: QK 402 bm Quyết định số: 18/TTga ngày 22 tháng 1 năm 1976

881 Liệt sĩ: **NGUYỄN KHẮC KHÁNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 4 năm 1954

Số bằng: ZM 316 bp Quyết định số: 430/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1958

882 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU HOÀNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1965

Số bằng: HZ 833 bm Quyết định số: 086/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1966

883 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC HAI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1965

Số bằng: HZ 834 bm Quyết định số: 086/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1966

884 Liệt sĩ: **VÕ QUANG VINH**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1972

Số bằng: EK 119 bm Quyết định số: 128/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1973

885 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC DINH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ

- An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1972
Số bằng: NK 083 bm Quyết định số: 344 /TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974
- 886 Liệt sĩ: **ĐẶNG QUỐC ÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1971
Số bằng: UB 440 bm Quyết định số: 137/TT ga ngày 15 tháng 3 năm 1977
- 887 Liệt sĩ: **VÕ VĂN TRÌNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1968
Số bằng: NG 434 bm Quyết định số: 487TTga ngày 26 tháng 9 năm 1974
- 888 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHÂU NGỌ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Cát, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 11 năm 1969
Số bằng: GL 802 bm Quyết định số: 479 /TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973
- 889 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH TÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 8 năm 1972
Số bằng: 2Đ 267 bm Quyết định số: 1189/TTga ngày 12 tháng 10 năm 1977
- 890 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN ĐỨC**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Lộc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 2AB 735 bt Quyết định số: 253/CTKT ngày 8 tháng 9 năm 1982
- 891 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU THÁI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Lộc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 3 năm 1968
Số bằng: PM 972 bm Quyết định số: 146 /TTga ngày 15 tháng 9 năm 1969
- 892 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH TAM**
Hạ sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1973
Số bằng: KQ 644 bm Quyết định số: 23/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1974
- 893 Liệt sĩ: **VÕ HỒNG SÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thắng, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 9 năm 1967
Số bằng: 8E 489 bm Quyết định số: 348/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1979
- 894 Liệt sĩ: **VÕ VĂN DUẬT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1975
Số bằng: UD 359 bm Quyết định số: 165/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 895 Liệt sĩ: **PHẠM KIM LAM**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thắng, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1975
Số bằng: SR 119 bm Quyết định số: 20/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1977

896 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN BÁ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NY 243 bm Quyết định số: 471/TTga ngày 18 tháng 10 năm 2012

897 Liệt sĩ: **PHẠM HỮU CHỈNH**

Hạ sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1966
Số bằng: YP 503 bm Quyết định số: 468/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977

898 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯ MINH**

Hạ sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Phúc, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1972
Số bằng: LB 327 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1974

899 Liệt sĩ: **PHẠM GIA KHANG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 10 năm 1973
Số bằng: LA 484 cm Quyết định số: 456/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1973

900 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG PHIÊN**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 8 năm 1976
Số bằng: VH 983 bt Quyết định số: 456/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977

901 Liệt sĩ: **LÊ BÁ THỪA**

Tiểu đoàn phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nghĩa Dũng, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1972
Số bằng: EG 724 bm Quyết định số: 130/TTga ngày 12 tháng 4 năm 1973

902 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH TỨ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1972
Số bằng: PI 714 bm Quyết định số: 358/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1975

903 Liệt sĩ: **VÕ ĐÌNH CHÂU**

Số bằng: SR 106 Quyết định số: 20/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1977

904 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN NAM**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 11 năm 1968
Số bằng: MH 011 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1970

905 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TÙNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An,

đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 6 năm 1978
Số bằng: 8K 123 bt Quyết định số: 574/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1979

906 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN THI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Kim, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1972
Số bằng: GR 579 bm Quyết định số: 385/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1973

907 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT TRƯỞNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Cường, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 8 năm 1953
Số bằng: ZA 352 bp Quyết định số: 190 /TTg ngày 15 tháng 3 năm 1957

908 Liệt sĩ: **CHU VĂN BIÊN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Cường, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 12 năm 1953
Số bằng: XA 521 bp Quyết định số: 551 /TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957

909 Liệt sĩ: **ĐẶNG CÔNG HUÂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Thanh, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 6 năm 1978
Số bằng: 8B 610 bt Quyết định số: 287 /TTga ngày 23 tháng 4 năm 1979

910 Liệt sĩ: **VÕ QUANG THÀNH**

Trung đội trưởng quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Phong, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 5 năm 1968
Số bằng: KQ 666 bm Quyết định số: 23 /TTga ngày 11 tháng 1 năm 1974

911 Liệt sĩ: **BÀNH VĂN LƯỢNG**

Thượng sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Phong, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 7 năm 1954
Số bằng: ZQ 4,594 bp Quyết định số: 424 TTg ngày 12 tháng 1/ năm 1959

912 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG ĐỆ**

Tiểu đội phó quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Phong, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZU 477 bp Quyết định số: 152 TTg ngày 7/ tháng 2/ năm 1960

913 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHUÔNG**

Thượng sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Phong, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1968
Số bằng: MI 593 bm Quyết định số: 139 /TTga ngày 8 tháng 6 năm 1970

914 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC BẰNG**

Hạ sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Cường, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1974
Số bằng: QH 547 bm Quyết định số: 42/TTga ngày 10 tháng 2 năm 1976

915 Liệt sĩ: **TRẦN TRUNG PHONG**

Số bằng: MB 812

Quyết định số: 57/TTGa ngày 16 tháng 3 năm 1970

- 916 Liệt sĩ: **TỪ ĐỨC TUẤN**
Hạ sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Cường, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1972
Số bằng: KQ 646 bm Quyết định số: 23 /TTGa ngày 11 tháng 1 năm 1974
- 917 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN MỸ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 12 năm 1952
Số bằng: XG 211 bp Quyết định số: 226TTg ngày 5 tháng 1 năm 1958
- 918 Liệt sĩ: **HÀ VĂN QUỲNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Khánh Sơn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 5 năm 1968
Số bằng: PM 928 bt Quyết định số: 146/TTGa ngày 15 tháng 9 năm 1969
- 919 Liệt sĩ: **NGÔ MINH KHÍNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 11 năm 1966
Số bằng: R 1,340 bm Quyết định số: 92TTg ngày 18 tháng 3 năm 1972
- 920 Liệt sĩ: **TRẦN NGỌC THUẬT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 7 năm 1954
Số bằng: ZK 285 bp Quyết định số: 551TTg ngày 11 tháng 5 năm 1957
- 921 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHÙNG NHÂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1975
Số bằng: UE 364 bm Quyết định số: 177/TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 922 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SỬU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1971
Số bằng: YP 562 bm Quyết định số: 459/TTGa ngày 20 tháng 5 năm 1977
- 923 Liệt sĩ: **HÀ VĂN ĐỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nậm Giải, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1970
Số bằng: GJ 446 bm Quyết định số: 190/TTGa ngày 4 tháng 9 năm 1976
- 924 Liệt sĩ: **VINGỌC HOÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nậm Giải, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 7 năm 1972
Số bằng: HV 440 bm Quyết định số: 148/TTGa ngày 4 tháng 9 năm 1974
- 925 Liệt sĩ: **LÔ VĂN LƯƠNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nậm Giải, huyện Quế Phong, tỉnh

Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1975
Số bằng: YS 048 bm Quyết định số: 467/TTga ngày 25 tháng 5 năm 1977

926 Liệt sĩ: **VI VĂN DIỄN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mường Nọc, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 4 năm 1967
Số bằng: MK 961 bm Quyết định số: 210/TTga ngày 9 tháng 3 năm 1970

927 Liệt sĩ: **LƯƠNG NGỌC DANH**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mường Nọc, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1975
Số bằng: RA 195 bm Quyết định số: 152/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1976

928 Liệt sĩ: **HÀ KIM ĐỒNG**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mường Nọc, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 7 năm 1967
Số bằng: HZ 325 bm Quyết định số: 113/TTga ngày 19 tháng 7 năm 1965

929 Liệt sĩ: **VI VĂN GƯƠNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mường Nọc, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 3 năm 1968
Số bằng: QI 146 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1976

930 Liệt sĩ: **LƯƠNG ĐÌNH KHUÊ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mường Nọc, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 1 năm 1970
Số bằng: cp 299 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1972

931 Liệt sĩ: **VI VĂN NHÂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mường Nọc, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1967
Số bằng: F 467 bm Quyết định số: 63/CTKT ngày 25 tháng 2 năm 1983

932 Liệt sĩ: **VI KIM PHÒNG**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mường Nọc, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 11 năm 1971
Số bằng: QN 072 bm Quyết định số: 56/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976

933 Liệt sĩ: **HÀ ĐÌNH SIÊNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mường Nọc, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 1 năm 1967
Số bằng: MB 614 bm Quyết định số: 58/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1970

934 Liệt sĩ: **VI VĂN XƯƠNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mường Nọc, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1972
Số bằng: PD 351 bm Quyết định số: 204/TTga ngày 27 tháng 5 năm 1975

935 Liệt sĩ: **VI VĂN YẾN**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mường Nọc, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1971
Số bằng: QI 857 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1976

936 Liệt sĩ: **LANG VĂN TRIỀU**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Phong, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 3 năm 1975
Số bằng: SI 011 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1976

937 Liệt sĩ: **LANG VĂN TRƯỜNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Phong, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 6 năm 1979
Số bằng: 9Q 759 bt Quyết định số: 468/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980

938 Liệt sĩ: **LÔ VĂN NAM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Phong, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HB 954 bm Quyết định số: 503/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1973

939 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN QUỲ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quang Phong, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 8 năm 1972
Số bằng: LK 284 bm Quyết định số: 339/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1974

940 Liệt sĩ: **LÔ VĂN HỌC**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Phong, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 12 năm 1979
Số bằng: 1L 377 bt Quyết định số: 791/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1977

941 Liệt sĩ: **SÀM VĂN ĐÒN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Muộn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 3 năm 1953
Số bằng: DZ 244 bp Quyết định số: 278/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1962

942 Liệt sĩ: **LANG VĂN TUYỀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Phong, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1968
Số bằng: NU 583 bm Quyết định số: 518/TTga ngày 10 tháng 7 năm 1974

943 Liệt sĩ: **VI VĂN CẢNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Phong, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 6 năm 1969
Số bằng: MI 584 bm Quyết định số: 139/TTga ngày 6 tháng 8 năm 1970

944 Liệt sĩ: **HÀ VĂN CHIẾN**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Phong, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1974
Số bằng: 4E 662 bm Quyết định số: 410/TTga ngày 26 tháng 4 năm 1978

- 945 **Liệt sĩ: NGÂN QUÝ LƯƠNG**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiền Phong, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1975
 Số bằng: SR 135 bm Quyết định số: 20/TTGa ngày 1 tháng 8 năm 1977
- 946 **Liệt sĩ: LƯƠNG QUANG VINH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiền Phong, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1972
 Số bằng: KQ 656 bm Quyết định số: 23/TTGa ngày 1 tháng 11 năm 1974
- 947 **Liệt sĩ: LANG HỒNG THÁI**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 1 năm 1970
 Số bằng: HV 485 bm Quyết định số: 148/TTGa ngày 4 tháng 9 năm 1974
- 948 **Liệt sĩ: HOÀNG TRUNG DŨNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Thạch, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1961
 Số bằng: GZ 782 bm Quyết định số: 100/TTGa ngày 22 tháng 7 năm 1964
- 949 **Liệt sĩ: LÔ VĂN NHO**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiền Phong, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 1 năm 1970
 Số bằng: bt 160 bm Quyết định số: 100/TTGa ngày 23 tháng 3 năm 1972
- 950 **Liệt sĩ: NGÔ VĂN THƯ**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 1 năm 1970
 Số bằng: MR 499 bm Quyết định số: 250/TTGa ngày 20 tháng 10 năm 1970
- 951 **Liệt sĩ: LỘC XUÂN TIẾP**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tri Lễ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 7 năm 1973
 Số bằng: NY 675 bm Quyết định số: 510/TTGa ngày 10 tháng 1 năm 1974
- 952 **Liệt sĩ: QUANG VĂN KÍNH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Thôn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1970
 Số bằng: BN 306 bm Quyết định số: 69/TTGa ngày 29 tháng 2 năm 1972
- 953 **Liệt sĩ: HÀ TRUNG CHÍNH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1967
 Số bằng: cp 025 bm Quyết định số: 295/TTGa ngày 22 tháng 7 năm 1972
- 954 **Liệt sĩ: LANG VĂN DỪNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1972
 Số bằng: HV 431 bm Quyết định số: 148/TTGa ngày 4 tháng 9 năm 1974

- 955 **Liệt sĩ: LANG XUÂN HÀO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đồng Văn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1975
Số bằng: QL 401 bm Quyết định số: 52/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1976
- 956 **Liệt sĩ: HÀ MINH KHUYÊN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1975
Số bằng: QV 484 bm Quyết định số: 150/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1976
- 957 **Liệt sĩ: QUANG HỒNG MIỀN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1970
Số bằng: cp 220 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1972
- 958 **Liệt sĩ: SÀM BÁ NAM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1974
Số bằng: SH 749 bm Quyết định số: 457/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1976
- 959 **Liệt sĩ: HÀ VĂN NGỌC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 9 năm 1981
Số bằng: ĐT 433 bt Quyết định số: 854/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 1998
- 960 **Liệt sĩ: HÀ VĂN PHÒNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 10 năm 1978
Số bằng: DV 948 bt Quyết định số: 572/TTg ngày 14 tháng 9 năm 1995
- 961 **Liệt sĩ: LƯƠNG NGỌC SƠN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 6 năm 1968
Số bằng: DQ 926 bm Quyết định số: 53/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1973
- 962 **Liệt sĩ: LÔ VĂN SINH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 10 năm 1972
Số bằng: ON 382 bm Quyết định số: 651/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1974
- 963 **Liệt sĩ: QUANG CHÍ THẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 4 năm 1975
Số bằng: QL 292 bm Quyết định số: 41/TTga ngày 2 tháng 10 năm 1976
- 964 **Liệt sĩ: VI VĂN THÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1970

Số bằng: BK 458 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972

965 Liệt sĩ: **QUANG VĂN THƯỜNG**

Tiêu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1970

Số bằng: cp 288 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1972

966 Liệt sĩ: **LANG VĂN THIẾT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thông Thụ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1969

Số bằng: MK 937 bm Quyết định số: 210/TTga ngày 9 tháng 3 năm 1970

967 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN HIẾU**

Tiêu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1975

Số bằng: QV 406 bm Quyết định số: 150/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1976

968 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGÔN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh bá, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 3 năm 1969

Số bằng: CT 465 bm Quyết định số: 357/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1972

969 Liệt sĩ: **VÕ MINH TÍNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh bá, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1972

Số bằng: GJ 484 bm Quyết định số: 390/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1973

970 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH THỨ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh bá, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 1 năm 1978

Số bằng: 7Đ 625 bt Quyết định số: 1312/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978

971 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KHUÊ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh bá, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 3 năm 1979

Số bằng: 8Y 257 bt Quyết định số: 791/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1979

972 Liệt sĩ: **HỒ KHẮC TIỀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh bá, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1973

Số bằng: RA 547 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 5 tháng 5 năm 1976

973 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THỪ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh bá, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 7 năm 1953

Số bằng: GL 324 bp Quyết định số: 675/QĐ-TTg ngày 16 tháng 6 năm 2004

974 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN CHƯỚC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh bá, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ

An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 11 năm 1972
Số bằng: OK 525 bm Quyết định số: 675/QĐ-TTg ngày 16 tháng 6 năm 2004

- 975 Liệt sĩ: **HỒ HỮU HÒA**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh bả, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 9Z 382 bt Quyết định số: 735/TTg ngày 24 tháng 11 năm 1980
- 976 Liệt sĩ: **HỒ ĐÌNH CAO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh bả, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1973
Số bằng: LR 227 bm Quyết định số: 259/TTg ngày 23 tháng 5 năm 1974
- 977 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THỌ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh bả, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 1H 360 bt Quyết định số: 761/TTg ngày 27 tháng 7 năm 1977
- 978 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ LIÊM**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh bả, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1972
Số bằng: SG 133 bm Quyết định số: 465/TTg ngày 21 tháng 10 năm 1976
- 979 Liệt sĩ: **HỒ ĐĂNG CẦU**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh bả, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 12 năm 1967
Số bằng: QM 603 bm Quyết định số: 184/TTg ngày 29 tháng 10 năm 1969
- 980 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC LUYỆN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1970
Số bằng: 5S 133 bm Quyết định số: 725/TTg ngày 5 tháng 7 năm 1978
- 981 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CẨM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1973
Số bằng: LR 224 bm Quyết định số: 259/TTg ngày 23 tháng 5 năm 1974
- 982 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỘ LƯỢNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: BS 040 bm Quyết định số: 169/TTg ngày 9 tháng 5 năm 1972
- 983 Liệt sĩ: **VŨ NHƯ MẠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 10 năm 1973
Số bằng: TB 657 bm Quyết định số: 191/TTg ngày 23 tháng 5 năm 1975
- 984 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LẠN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 91 727 bt Quyết định số: 19/TTGa ngày 5 tháng 1 năm 1980

985 Liệt sĩ: **PHẠM DUY TÔ**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1970
Số bằng: TY 480 bm Quyết định số: 168/TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1977

986 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHIỆM**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 1 năm 1973
Số bằng: PB 662 bm Quyết định số: 191/TTGa ngày 23 tháng 5 năm 1975

987 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LAI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1970
Số bằng: YA 865 bm Quyết định số: 457/TTGa ngày 20 tháng 5 năm 1977

988 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGHĨA**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Tam, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1971
Số bằng: NP 792 bm Quyết định số: 414/TTGa ngày 15 tháng 8 năm 1974

989 Liệt sĩ: **HỒ NHƯỜNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1967
Số bằng: HC 529 bm Quyết định số: 192/TTGa ngày 20 tháng 5 năm 1972

990 Liệt sĩ: **TRƯƠNG TẢO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc năm 1951
Số bằng: HC 516 bp Quyết định số: 107/TTGa ngày 2 tháng 2 năm 2005

991 Liệt sĩ: **NGÔ CHUNG TOÀN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Bá, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 6 năm 1968
Số bằng: MI 040 bm Quyết định số: 117/TTGa ngày 11 tháng 5 năm 1970

992 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG TÁM**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 năm 1952
Số bằng: GZ 453 bp Quyết định số: 61/TTGa ngày 28 tháng 4 năm 1964

993 Liệt sĩ: **TRẦN ĐẠI**

Đảng viên, Nguyên quán: xã Quỳnh Diễn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 4 năm 1930
Số bằng: ZD 354 cp Quyết định số: 218/TTGa ngày 27 tháng 11 năm 1963

- 994 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHAM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Diễn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 8 năm 1968
Số bằng: CR 609 bm Quyết định số: 426/TTga ngày 29 tháng 10 năm 1972
- 995 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SINH**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Diễn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1969
Số bằng: BB 287 bm Quyết định số: 279/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971
- 996 Liệt sĩ: **TRẦN XỨ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Diễn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 7 năm 1953
Số bằng: ZU 671 bp Quyết định số: 152/TTga ngày 7 tháng 2 năm 1960
- 997 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THƯ**
Trung sỹ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Diễn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1974
Số bằng: VT 607 bm Quyết định số: 317/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977
- 998 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU CHUẨN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Diễn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MB 427 bm Quyết định số: 58/TTg ngày 16 tháng 3 năm 1970
- 999 Liệt sĩ: **HÒ VIẾT HOAN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1972
Số bằng: LA 938 bm Quyết định số: 213/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1975
- 1000 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN QUANG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1975
Số bằng: UG 534 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 1001 Liệt sĩ: **HOÀNG SỸ CAO**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1954
Số bằng: EZ 585 bm Quyết định số: 218/TTga ngày 27 tháng 11 năm 1964
- 1002 Liệt sĩ: **HOÀNG TRUNG CHUNG**
Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1983
Số bằng: bt 110 bm Quyết định số: 317/CTKT ngày 23 tháng 12 năm 1987
- 1003 Liệt sĩ: **PHAN ĐÌNH TRÁT**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 5 năm 1979
Số bằng: 9Z 450 bt Quyết định số: 735/TTga ngày 24 tháng 11 năm 1980

- 1004 Liệt sĩ: **PHAN XUÂN TRINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1971
Số bằng: cp 046 bm Quyết định số: 295/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1972
- 1005 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN HÀ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1965
Số bằng: HZ 836 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1966
- 1006 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ THƯ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1954
Số bằng: EZ 722 bm Quyết định số: 219/TTga ngày 27 tháng 11 năm 1963
- 1007 Liệt sĩ: **CÙ CHÍNH LAN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1952
Số bằng: YZ 515 bm Quyết định số: 1191/TTg ngày 22 tháng 12 năm 1956
- 1008 Liệt sĩ: **LÊ NHẬT MỸ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 2AB 808 bt Quyết định số: 313/CTKT ngày 9 tháng 10 năm 1982
- 1009 Liệt sĩ: **LÊ CỰ LONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1971
Số bằng: BK 432 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972
- 1010 Liệt sĩ: **NGUYỄN ANH TRƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1971
Số bằng: LA 828 bm Quyết định số: 289/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1974
- 1011 Liệt sĩ: **TRẦN THIỆU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 1 năm 1952
Số bằng: ZQ 1,123 bp Quyết định số: 209/TTg ngày 6 tháng 1 năm 1959
- 1012 Liệt sĩ: **DƯƠNG BÁ CHIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Mỹ, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1957
Số bằng: XA 370 bm Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957
- 1013 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN DỰC**
Kỹ sư trồng trọt, Ty Nông nghiệp tỉnh Nghệ An, Nguyên quán: xã Quỳnh Mỹ, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1968

Số bằng: IM 157 cm Quyết định số: 494/TTga ngày 9 tháng 12 năm 1972

1014 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN ĐƯƠNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Mỹ, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1966

Số bằng: NM 433 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1969

1015 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU XƯNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 5 năm 1978

Số bằng: 8B 788 bt Quyết định số: 288/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1979

1016 Liệt sĩ: **VÕ XUÂN DUNG**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thuận, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1974

Số bằng: QI 810 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1976

1017 Liệt sĩ: **BÙI CÔNG TÍN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Minh, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 8 năm 1974

Số bằng: TI 265 bm Quyết định số: 588/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

1018 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN LỢI**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Thị trấn Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 05 năm 1970

Số bằng: VS 720 bm Quyết định số: 324/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

1019 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC ĐÔI**

Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hậu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 1 năm 1968

Số bằng: MK 801 bm Quyết định số: 196/TTga ngày 18 tháng 8 năm 1970

1020 Liệt sĩ: **HỒ KIM NGÂM**

Ủy viên Ủy ban hành chính xã, Nguyên quán: xã Quỳnh Hậu, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1966

Số bằng: DQ 889 bm Quyết định số: 179 /TTga ngày 17 tháng 3 năm 1995

1021 Liệt sĩ: **PHẠM MINH THUYẾT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 11 năm 1972

Số bằng: QL 332 bm Quyết định số: 41/CTKT ngày 10 tháng 2 năm 1986

1022 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH PHƯƠNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 04 năm 1972

Số bằng: QL 358 bm Quyết định số: 41/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2005

1023 Liệt sĩ: **ĐẶNG QUYỀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ

An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 10 năm 1951
Số bằng: ZQ 1,098 bp Quyết định số: 209/TTg ngày 01 tháng 6 năm 1959

1024 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN HIỆU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 04 năm 1972
Số bằng: YI 1,999 bm Quyết định số: 152/TTg ngày 07 tháng 2 năm 1960

1025 Liệt sĩ: **TRỊNH XUÂN QUÝ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 08 tháng 04 năm 1978
Số bằng: 7Đ 515 bt Quyết định số: 1393/TTga ngày 08 tháng 12 năm 1978

1026 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN HOAN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1968
Số bằng: SR 708 bm Quyết định số: 577/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

1027 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VY**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 12 năm 1952
Số bằng: XA 311 bp Quyết định số: 109/TTg ngày 15 tháng 3 năm 1957

1028 Liệt sĩ: **VŨ VĂN QUYÊN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1975
Số bằng: PR 073 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1976

1029 Liệt sĩ: **LÊ HỮU TỚI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 8Y 461 bt Quyết định số: 734/TTg ngày 27 tháng 10 năm 1979

1030 Liệt sĩ: **VŨ VĂN CHU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 1 năm 1953
Số bằng: ZA 310 bp Quyết định số: 190/TTg ngày 15 tháng 3 năm 1957

1031 Liệt sĩ: **VÕ HỒNG THẠC**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1972
Số bằng: OA 235 bm Quyết định số: 556/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1974

1032 Liệt sĩ: **VŨ VĂN TỲ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hưng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 7 năm 1965
Số bằng: AM 495 bm Quyết định số: 34/TTga ngày 10 tháng 8 năm 1973

1033 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG KHOA**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Long, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1972
Số bằng: QL 265 bm Quyết định số: 41/TTga ngày 10 tháng 2 năm 1976

1034 Liệt sĩ: **HỒ SĨ VY**

Trung đội trưởng dân quân du kích, Nguyên quán: xã Quỳnh Long, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 8 năm 1968
Số bằng: AM 438 km Quyết định số: 245/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1968

1035 Liệt sĩ: **BÙI CÔNG SỰ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Long, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1972
Số bằng: LA 895 bm Quyết định số: 213/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

1036 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ LONG**

Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 7 năm 1969
Số bằng: KM 214 cm Quyết định số: 144/TTga ngày 14 tháng 4 năm 1973

1037 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN KHUYỀN**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1969
Số bằng: CV 031 bm Quyết định số: 354/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1972

1038 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÚC**

Tiểu đội trưởng quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hòa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: YV 004 bm Quyết định số: 456/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1977

1039 Liệt sĩ: **TRẦN QUYẾT THẮNG**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thuận, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1973
Số bằng: UH 422 bm Quyết định số: 179/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1040 Liệt sĩ: **ĐẶNG CÔNG CHÂU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 9 năm 1972
Số bằng: HT 843 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

1041 Liệt sĩ: **VŨ THỊ LỢI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cầu Giát, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 1 năm 1973
Số bằng: LB 307 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1974

1042 Liệt sĩ: **MAI VĂN CẬY**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hòa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1972
Số bằng: KL 802 bm Quyết định số: 573/TTga ngày 17 tháng 12 năm 1973

- 1043 **Liệt sĩ: NGUYỄN TIẾN DŨNG**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1972
 Số bằng: NY 238 bm Quyết định số: 471/TTga ngày 17 tháng 9 năm 1974
- 1044 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN CÙ**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Hồng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 1 năm 1981
 Số bằng: DK 674 bt Quyết định số: 482/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1993
- 1045 **Liệt sĩ: HỒ VĂN NGỌ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Tiến Thủy, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 4 năm 1981
 Số bằng: F 562 bt Quyết định số: 63/CTKT ngày 25 tháng 2 năm 1983
- 1046 **Liệt sĩ: HỒ ĐỨC SƠN**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 3 năm 1975
 Số bằng: QN 086 bt Quyết định số: 56/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1976
- 1047 **Liệt sĩ: TRƯƠNG VĂN VINH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1974
 Số bằng: UB 895 bm Quyết định số: 167/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 1048 **Liệt sĩ: TRƯƠNG ĐẮC DỤ**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1967
 Số bằng: cm 173 bm Quyết định số: 71/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1969
- 1049 **Liệt sĩ: HỒ MINH DỤNG**
 Công nhân quốc phòng, Nguyên quán: Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 10 năm 1967
 Số bằng: HM 603 cm Quyết định số: 146/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1968
- 1050 **Liệt sĩ: NGUYỄN SỸ ÂN**
 Thuyền phó, Nguyên quán: Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 11 năm 1966
 Số bằng: HM 164 cm Quyết định số: 81/TTga ngày 7 tháng 3 năm 1971
- 1051 **Liệt sĩ: TRƯƠNG VĂN BÌNH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1969
 Số bằng: MK 804 bm Quyết định số: 196/TTga ngày 13 tháng 8 năm 1970
- 1052 **Liệt sĩ: HỒ KIM**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1971
 Số bằng: CR 521 bm Quyết định số: 386/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1972

- 1053 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THỐNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 10 năm 1969
Số bằng: MK 780 bm Quyết định số: 196/TTga ngày 13 tháng 8 năm 1970
- 1054 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1974
Số bằng: SI 114 bm Quyết định số: 462/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1976
- 1055 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH PHÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 14 tháng 9 năm 1946
Số bằng: XG 231 bp Quyết định số: 226/TTg ngày 5 tháng 1 năm 1958
- 1056 Liệt sĩ: **ĐINH VIỆT THƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1966
Số bằng: bm 276 bm Quyết định số: 135/TTg ngày 2 tháng 8 năm 1967
- 1057 Liệt sĩ: **HỒ LONG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 12 năm 1951
Số bằng: GZ 228 bp Quyết định số: 32/TTga ngày 3 tháng 9 năm 1963
- 1058 Liệt sĩ: **TRẦN KIM HÓA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Ngọc, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 10 năm 1987
Số bằng: DC 933 bt Quyết định số: 126/CTKT ngày 5 tháng 6 năm 1987
- 1059 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC THUNG**
Trưởng phòng Công an, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 1 năm 1968
Số bằng: NM 608 cm Quyết định số: 27/TTga ngày 29 tháng 1 năm 1976
- 1060 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TUY**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1968
Số bằng: BE 374 bm Quyết định số: 286/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1971
- 1061 Liệt sĩ: **PHẠM ĐỨC THỊNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1950
Số bằng: ZM 361 bp Quyết định số: 430/TTg ngày 6 tháng 9 năm 1958
- 1062 Liệt sĩ: **NGÔ ANH TUẤN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 5 năm 1972

Số bằng: HT 807 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

1063 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ QUY**

Công nhân bộ Nội Thương, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1968

Số bằng: NM 704 cm Quyết định số: 146/TTga ngày 28 tháng 4 năm 1976

1064 Liệt sĩ: **PHAN VĂN NIÊM**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 10 năm 1949

Số bằng: ZD 367 kp Quyết định số: 219/TTga ngày 27 tháng 11 năm 1963

1065 Liệt sĩ: **NGUYỄN PHƯƠNG**

Tiêu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952

Số bằng: ZK 259 bp Quyết định số: 551/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1957

1066 Liệt sĩ: **HỒ SƠN TÍNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1972

Số bằng: KQ 409 bm Quyết định số: 18/TTga ngày 22 tháng 1 năm 1976

1067 Liệt sĩ: **ĐẬU THỊ HOA**

Công nhân vận tải biển, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1968

Số bằng: NM 643 cm Quyết định số: 72/TTga ngày 2 tháng 3 năm 1976

1068 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN XÍ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1966

Số bằng: 8M 364 bm Quyết định số: 171/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1979

1069 Liệt sĩ: **HỒ VĂN MINH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 1 năm 1970

Số bằng: MR 484 bm Quyết định số: 250/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1970

1070 Liệt sĩ: **TÔ DUY PHỤNG**

Xã viên Hợp tác xã vận tải, Nguyên quán: xã Tiến Thủy, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1966

Số bằng: NM 451 cm Quyết định số: 11/TTga ngày 10 tháng 01 năm 1976

1071 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LÂM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Tam, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc năm 1978

Số bằng: 8B 653 bt Quyết định số: 287/TTga ngày 23 tháng 04 năm 1979

1072 Liệt sĩ: **HỒ HỮU THẮT**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hòa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An,

đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 8 năm 1967
Số bằng: UR 700 bm Quyết định số: 443/TTGa ngày 18 tháng 5 năm 1977

- 1073 Liệt sĩ: **VŨ HUY LẬP**
Trợ lý Chính trị Tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hòa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1972
Số bằng: KQ 870 bm Quyết định số: 34/TTGa ngày 17 tháng 11 năm 1974
- 1074 Liệt sĩ: **VŨ XUÂN HẢI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã An Hòa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1973
Số bằng: LR 264 bm Quyết định số: 259/TTGa ngày 23 tháng 5 năm 1974
- 1075 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH VINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Tam, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1972
Số bằng: HT 771 bm Quyết định số: 149/TTGa ngày 09 tháng 04 năm 1974
- 1076 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH DỰ**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Tam, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1973
Số bằng: NK 076 bm Quyết định số: 344/TTGa ngày 2 tháng 7 năm 1974
- 1077 Liệt sĩ: **PHAN VĂN HIỀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Tam, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 2 năm 1979
Số bằng: 8B 583 bt Quyết định số: 283/TTGa ngày 23 tháng 4 năm 1979
- 1078 Liệt sĩ: **BÙI DUY THÔNG**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Lương, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 8 năm 1979
Số bằng: 9I 946 bt Quyết định số: 34/TTGa ngày 14 tháng 1 năm 1980
- 1079 Liệt sĩ: **HÒ NGẠNH**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Sơn Hải, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1949
Số bằng: ZD 369 kp Quyết định số: 219/TTGa ngày 27 tháng 11 năm 1963
- 1080 Liệt sĩ: **HÒ HỮU KỶ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc tháng 5 năm 1979
Số bằng: MO 995 bt Quyết định số: 196/TTGa ngày 13 tháng 8 năm 1970
- 1081 Liệt sĩ: **NGUYỄN DANH DIỆM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1972
Số bằng: QH 587 bm Quyết định số: 44/TTGa ngày 10 tháng 2 năm 1976
- 1082 Liệt sĩ: **NGUYỄN MẠNH CƯỜNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Tiến, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1972
Số bằng: QH 576 bm Quyết định số: 42/TTGa ngày 2 tháng 10 năm 1976

1083 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU ĐÀO**

Thuyền trưởng vận tải, Nguyên quán: xã Quỳnh Tiến, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1967
Số bằng: HM 546 cm Quyết định số: 36/TTGa ngày 27 tháng 01 năm 1972

1084 Liệt sĩ: **ĐÀM ĐỨC HUYỀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Phong, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1953
Số bằng: EZ 620 bp Quyết định số: 218/TTGa ngày 07 tháng 11 năm 1963

1085 Liệt sĩ: **HÒ NGỌC HIỀN**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Phong, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1973
Số bằng: PR 226 bm Quyết định số: 373/TTGa ngày 23 tháng 09 năm 1975

1086 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ PHƯƠNG**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Tiến, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 03 năm 1967
Số bằng: BK 615 bm Quyết định số: 48/CTKT ngày 03 tháng 04 năm 1987

1087 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Tiến, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 05 năm 1965
Số bằng: BK 492 bm Quyết định số: 113/TTGa ngày 17 tháng 07 năm 1965

1088 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG TẠO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiến Thủy, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 02 năm 1970
Số bằng: BK 355 bm Quyết định số: 38/TTGa ngày 27 tháng 01 năm 1972

1089 Liệt sĩ: **THÁI NGUYỄN LỢI**

Xã viên hợp tác xã vận tải, Nguyên quán: xã Quỳnh Phong, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 07 năm 1966
Số bằng: EM 008 cm Quyết định số: 55/TTGa ngày 16 tháng 3 năm 1970

1090 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SÁNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Phong, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 07 năm 1966
Số bằng: bt 117 bm Quyết định số: 100/TTGa ngày 23 tháng 3 năm 1972

1091 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN THÂN**

Thuyền trưởng vận tải, Nguyên quán: xã Quỳnh Tiến, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 05 năm 1965
Số bằng: 2Q 863 cm Quyết định số: 425/TTGa ngày 4 tháng 5 năm 1978

- 1092 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NAM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Tân, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 01 năm 1979
Số bằng: 8Y 321 bt Quyết định số: 739/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979
- 1093 Liệt sĩ: **TRƯƠNG ANH NHƯNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Phong, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1972
Số bằng: HV 536 bm Quyết định số: 148/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974
- 1094 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC TUYẾT**
Xã viên hợp tác xã vận tải, Nguyên quán: xã Quỳnh Tiến, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1968
Số bằng: EM 163 cm Quyết định số: 87/TTga ngày 2 tháng 4 năm 1970
- 1095 Liệt sĩ: **NGUYỄN THU**
Xã viên hợp tác xã vận tải, Nguyên quán: xã Quỳnh Tiến, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 6N 891 cm Quyết định số: 215/CTKT ngày 28 tháng 7 năm 1982
- 1096 Liệt sĩ: **TÔ DUY NHỢI**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Tiến, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 11 năm 1965
Số bằng: HZ 859 bm Quyết định số: 86/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1966
- 1097 Liệt sĩ: **HỒ HỮU DUNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Nghĩa, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1972
Số bằng: HP 914 bm Quyết định số: 503/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1973
- 1098 Liệt sĩ: **LÊ TIỀN TIÊU**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 10 năm 1968
Số bằng: ND 500 bm Quyết định số: 421/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1974
- 1099 Liệt sĩ: **ĐẶNG NGỌC SƠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 12 năm 1971
Số bằng: CT 540 bm Quyết định số: 357/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1972
- 1100 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN NHIỆM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 9 năm 1967
Số bằng: 8E 451 bm Quyết định số: 248/TTg ngày 18 tháng 5 năm 1979
- 1101 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ NGÀ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 1 năm 1973
Số bằng: QL 360 bt Quyết định số: 41/TTga ngày 2 tháng 10 năm 1976

- 1102 Liệt sĩ: **VĂN ĐỨC DIỆM**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 4 năm 1970
 Số bằng: RA 196 bt Quyết định số: 152/TTGa ngày 28 tháng 4 năm 1976
- 1103 Liệt sĩ: **HOÀNG DANH CHÂU**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thạch, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 10 năm 1984
 Số bằng: bt 107 bt Quyết định số: 317/CTKT ngày 23 tháng 12 năm 1987
- 1104 Liệt sĩ: **LÊ TIỀN TIÊU**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thọ huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 10 năm 1968
 Số bằng: ND 500 bm Quyết định số: 241/TTGa ngày 17 tháng 8 năm 1974
- 1105 Liệt sĩ: **PHẠM NHƯ**
 Công nhân, Nguyên quán: xã Quỳnh Thọ huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 7 năm 1966
 Số bằng: EG 088 cm Quyết định số: 344/TTg ngày 26 tháng 4 năm 2000
- 1106 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC DƯ**
 Đại úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thọ, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 8 năm 1989
 Số bằng: CZ 791 ct Quyết định số: 15/CTKT ngày 20 tháng 1 năm 1992
- 1107 Liệt sĩ: **HỒ MẬU DOANH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Yên, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 8 năm 1951
 Số bằng: EZ 601 bp Quyết định số: 218/TTGa ngày 11 tháng 7 năm 1963
- 1108 Liệt sĩ: **BÙI DUY NGUYỄN**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Yên, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1979
 Số bằng: 9I 813 bm Quyết định số: 23/TTGa ngày 5 tháng 1 năm 1980
- 1109 Liệt sĩ: **HỒ VIỆT NHUNG**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Yên, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1966
 Số bằng: R 1,352 bm Quyết định số: 92/TTGa ngày 18 tháng 3 năm 1972
- 1110 Liệt sĩ: **HỒ ĐỨC DU**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Yên, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1967
 Số bằng: YM 403 bm Quyết định số: 187/TTGa ngày 1 tháng 10 năm 1968
- 1111 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN VY**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Yên, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh

Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1968
Số bằng: VO 160 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

1112 Liệt sĩ: **HỒ MẬU TRINH**

Chiến sĩ quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Yên, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1972
Số bằng: HT 738 bm Quyết định số: 149/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

1113 Liệt sĩ: **ĐÀO XUÂN LỤC**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thuận, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1972
Số bằng: VS 755 bm Quyết định số: 324/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

1114 Liệt sĩ: **ĐÀM NGỌC QUỲNH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thuận, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1970
Số bằng: UG 589 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1115 Liệt sĩ: **TRẦN XUÂN TRẠCH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thuận, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1967
Số bằng: 8E 592 bm Quyết định số: 367/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1979

1116 Liệt sĩ: **HỒ VĂN THỈNH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Thuận, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1973
Số bằng: UR 504 bm Quyết định số: 446/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1977

1117 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRÍ (CHÍ)**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Văn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1975
Số bằng: NK 178 bm Quyết định số: 345/TTg ngày 2 tháng 7 năm 1974

1118 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BÌNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 5 năm 1978
Số bằng: 7A 274 bt Quyết định số: 159/TTTg ngày 7 tháng 5 năm 1987

1119 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÁT**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thị trấn Nam Đàn, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 01 năm 1968
Số bằng: BE 313 bm Quyết định số: 286/TTga ngày 08 tháng 12 năm 1971

II. TỈNH LONG AN

- 1 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HOÀNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Phú, huyện Bến Thủ, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1960
Số bằng: 7E 203 bm Quyết định số: 1309/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1978
- 2 Liệt sĩ: **BÙI VĂN BÊ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Sơn, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1967
Số bằng: K 334 km Quyết định số: 138/CTKT ngày 20 tháng 4 năm 1983
- 3 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NUÔI**
Du kích ấp, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1962
Số bằng: 2K 292 km Quyết định số: 171/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1978
- 4 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN TÀI**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: 2E 161 km Quyết định số: 27/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978
- 5 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN XÊ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1971
Số bằng: 2T 218 bm Quyết định số: 1306/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977
- 6 Liệt sĩ: **HÒ VĂN CỎ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 4 năm 1968
Số bằng: YL 205bm Quyết định số: 400/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977
- 7 Liệt sĩ: **HÒ VĂN NÊN**
Huyện đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1968
Số bằng: 1S 373bm Quyết định số: 912/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1977
- 8 Liệt sĩ: **HÒ VĂN NIỆM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1966
Số bằng: YL 212 bm Quyết định số: 400/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977
- 9 Liệt sĩ: **HÒ VĂN QUỐC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 3 năm 1967
Số bằng: 2O 156 bm Quyết định số: 1239/TTga ngày 17 tháng 10 năm 1977
- 10 Liệt sĩ: **HUỲNH THỊ HÀ**
Cán sự phụ nữ xã, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong

sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 3 năm 1969

Số bằng: 2M 859 cm Quyết định số: 321/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1978

11 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN BỜ**

Du kích xã, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 4 năm 1954

Số bằng: KC 132 kp Quyết định số: 171/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1978

12 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN LƯƠNG**

Chiến sĩ giao liên xã, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 1 năm 1947

Số bằng: OC 413 cp Quyết định số: 618/TTga ngày 12 tháng 6 năm 1978

13 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN THU**

Xã đội phó, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1969

Số bằng: 2E 163km Quyết định số: 27/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978

14 Liệt sĩ: **LẠI VĂN MỸ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1966

Số bằng: 2P 931 pm Quyết định số: 4/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1978

15 Liệt sĩ: **LẠI VĂN NGHIÊM**

Huyện ủy viên, Nguyên quán: xã Long Định, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 6 năm 1956

Số bằng: XM 589 cm Quyết định số: 737/TTga ngày 15 tháng 7 năm 1977

16 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC AN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 3 năm 1970

Số bằng: 1X 222bm Quyết định số: 983/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977

17 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐẠM**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1973

Số bằng: 3Đ 977bm Quyết định số: 1454/TTga ngày 9 tháng 11 năm 1977

18 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LÀNH**

Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 11 năm 1969

Số bằng: 4A 003km Quyết định số: 311/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1981

19 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGÀU**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 9 năm 1961

Số bằng: 7U 859bm Quyết định số: 154/TTga ngày 23 tháng 2 năm 1979

20 Liệt sĩ: **MAI VĂN THẮT**

- Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1968
Số bằng: 9M 588bm Quyết định số: 244/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980
- 21 Liệt sĩ: **NGUYỄN HÒA THÀNH**
Cán bộ Kinh tài xã, Nguyên quán: xã Long Sơn, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 5 năm 1950
Số bằng: UC 679 cp Quyết định số: 463/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1979
- 22 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÍCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1974
Số bằng: 2H 704bm Quyết định số: 1153/TTga ngày 10 tháng 10 năm 1977
- 23 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1963
Số bằng: 6E 846bm Quyết định số: 850/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1978
- 24 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN GHE**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Sơn, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 8 năm 1965
Số bằng: 2P 927bm Quyết định số: 4/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1978
- 25 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÀ**
Bí thư chi bộ xã, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 10 năm 1950
Số bằng: GC 583 cp Quyết định số: 19/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978
- 26 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HUÊ**
Xã đội phó, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 2 năm 1969
Số bằng: 2B 337km Quyết định số: 1775/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1977
- 27 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỚN**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 10 năm 1969
Số bằng: 2L 810km Quyết định số: 336/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1978
- 28 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NĂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1965
Số bằng: 8U 713bm Quyết định số: 701/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1979
- 29 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SAI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1965
Số bằng: 3E 118bm Quyết định số: 1735/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1977

- 30 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIẾP**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 11 năm 1963
Số bằng: 2E 185km Quyết định số: 27/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978
- 31 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIỂU**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1953
Số bằng: 1SC 389 bp Quyết định số: 50/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1979
- 32 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NGUYỆT**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1968
Số bằng: 4R 602bm Quyết định số: 170/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1978
- 33 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NHẢ**
Trưởng ban kinh tài xã, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 23 tháng 9 năm 1949
Số bằng: GC 280 cp Quyết định số: 1775/TTga ngày 28 tháng 12 năm 1977
- 34 Liệt sĩ: **PHAN VĂN NGÂN**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1964
Số bằng: 3B 727km Quyết định số: 1031/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978
- 35 Liệt sĩ: **PHAN VĂN THEO**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 6G 147bm Quyết định số: 855/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978
- 36 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐANH**
Trưởng công an huyện, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1969
Số bằng: 4I 622 cm Quyết định số: 244/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980
- 37 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TÁM**
Chiến sĩ giao liên, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1952
Số bằng: 1AC 750 cp Quyết định số: 311/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1981
- 38 Liệt sĩ: **TRƯƠNG THỊ NGỰ**
Ban chấp hành chi đoàn xã, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 7 năm 1967
Số bằng: BG 966 cm Quyết định số: 328/CTKT ngày 3 tháng 12 năm 1986
- 39 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN LÂM**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 4 năm 1972

- Số bằng: 2E 422km Quyết định số: 26/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978
- 40 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN NAM**
Đội trưởng đội thanh niên cứu quốc, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 2 năm 1948
Số bằng: BG 931 kp Quyết định số: 328/CTKT ngày 3 tháng 12 năm 1986
- 41 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN ON**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 8 năm 1972
Số bằng: 1T 258km Quyết định số: 1744/TTga ngày 21 tháng 12 năm 1977
- 42 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN TRANG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1962
Số bằng: 1U 974bm Quyết định số: 931/TTga ngày 26 tháng 8 năm 1977
- 43 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN TƯƠI**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Cang, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 7 năm 1965
Số bằng: 3V 486km Quyết định số: 244/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980
- 44 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THƯƠNG**
Du kích xã, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1967
Số bằng: VM 161km Quyết định số: 924/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1977
- 45 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN TÁM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1969
Số bằng: 1K 968bm Quyết định số: 759/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1977
- 46 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN THỌ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 2 năm 1964
Số bằng: 8Đ 837bm Quyết định số: 350/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1979
- 47 Liệt sĩ: **ĐÀO KIM ĐỒNG**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 12 năm 1962
Số bằng: 2|M 241km Quyết định số: 335/TTga ngày 31 tháng 3 năm 1978
- 48 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN HUỖNH**
Đảng ủy viên xã, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1959
Số bằng: AB 053 cm Quyết định số: 148/CTKT ngày 16 tháng 5 năm 1984
- 49 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN KÍCH**
Du kích xã, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự

nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1963

Số bằng: QM 757km Quyết định số: 871/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1977

50 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN TRỌNG**

Liên lạc viên Thôn bộ Việt Minh, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 2 năm 1948

Số bằng: CN 615 cp Quyết định số: 220/CTKT ngày 19 tháng 11 năm 1990

51 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HẠNH**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1966

Số bằng: VM 813km Quyết định số: 931/TTga ngày 26 tháng 8 năm 1977

52 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TƯ**

Chính trị viên xã đội, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 2 năm 1959

Số bằng: 2T 774 cm Quyết định số: 618/TTga ngày 12 tháng 6 năm 1978

53 Liệt sĩ: **LŨ VĂN NHỎ**

Bí thư xã, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 1 năm 1964

Số bằng: 1E 756 cm Quyết định số: 960/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1977

54 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU HẠNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1969

Số bằng: 2O 202bm Quyết định số: 1239/TTga ngày 17 tháng 10 năm 1977

55 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH PHƯƠNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Khê, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1967

Số bằng: 6R 998bm Quyết định số: 1109/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1978

56 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẦY**

Du kích xã, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 2 năm 1948

Số bằng: IC 679 kp Quyết định số: 1454/TTga ngày 9 tháng 11 năm 1977

57 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐĂNG**

Du kích xã, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1967

Số bằng: AB 028km Quyết định số: 148/CTKT ngày 16 tháng 5 năm 1984

58 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÒA**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1967

Số bằng: 5Y 452bm Quyết định số: 742/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1978

59 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÙNG**

Trưởng công an xã, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1967

Số bằng: 1Đ 783 cm Quyết định số: 942/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1977

60 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIỀN**

Du kích xã, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 10 năm 1966

Số bằng: YM 874km Quyết định số: 981/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977

61 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN XỨNG**

Trưởng ban nông hội xã, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 11 năm 1949

Số bằng: OC 409 cp Quyết định số: 618/TTga ngày 12 tháng 6 năm 1978

62 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NIÊN**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 10 năm 1965

Số bằng: AY 095bm Quyết định số: 418/CTKT ngày 6 tháng 11 năm 1985

63 Liệt sĩ: **PHAN VĂN TRANG**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 10 năm 1952

Số bằng: 1XC 691 bp Quyết định số: 546/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1979

64 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LẠC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Khê, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1967

Số bằng: 8K 701bm Quyết định số: 463/TTga ngày 20 tháng 6 năm 1979

65 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SÚNG (SON)**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Thượng, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 12 năm 1962

Số bằng: 6O 831bm Quyết định số: 1018/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978

66 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN XOÀI**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 2 năm 1969

Số bằng: VM 844km Quyết định số: 931/TTga ngày 26 tháng 8 năm 1977

67 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN LỆ**

Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 3 năm 1969

Số bằng: 1L 824km Quyết định số: 1305/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977

68 Liệt sĩ: **VÕ PHI YẾN**

Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Long Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 12 năm 1963

Số bằng: 1A 155km Quyết định số: 982/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977

- 69 Liệt sĩ: **VÕ VĂN NGÃ**
Công dân, Nguyên quán: xã Long Hòa, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1963
Số bằng: 3D 024km Quyết định số: 906/TTga ngày 14 tháng 8 năm 1978
- 70 Liệt sĩ: **BÙI PHÚ HỒNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1968
Số bằng: 6O 723bm Quyết định số: 1017/TTga ngày 8 tháng 9 năm 1978
- 71 Liệt sĩ: **BÙI THỊ CAM**
Y tá xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1969
Số bằng: PM 208 cm Quyết định số: 402/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977
- 72 Liệt sĩ: **BÙI VĂN HOÀNG**
Cán bộ huyện, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 12 năm 1967
Số bằng: 1H 152 cm Quyết định số: 982/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1977
- 73 Liệt sĩ: **BÙI VĂN SINH**
Cán bộ giao liên xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 2 tháng 8 năm 1947
Số bằng: ĐC 474 cp Quyết định số: 759/TTga ngày 27 tháng 7 năm 1977
- 74 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TÂY**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 11 năm 1953
Số bằng: MC 290 kp Quyết định số: 494/TTga ngày 15 tháng 5 năm 1978
- 75 Liệt sĩ: **CA VĂN VIÊN**
Chiến sĩ giao liên xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 8 tháng 5 năm 1951
Số bằng: CC 764 cp Quyết định số: 402/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977
- 76 Liệt sĩ: **CA VĂN VOI**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1962
Số bằng: PM 175 cm Quyết định số: 402/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977
- 77 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN ĐỨC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 1 năm 1969
Số bằng: 1V 906bm Quyết định số: 943/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1977
- 78 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN TRÊN**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1969

Số bằng: YL 203bm Quyết định số: 400/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977

- 79 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN LỪ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1968
Số bằng: 2O 140bm Quyết định số: 1239/TTga ngày 17 tháng 10 năm 1977
- 80 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN DINH**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 10 năm 1952
Số bằng: 1MC 579 bp Quyết định số: 1109/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1978
- 81 Liệt sĩ: **DƯƠNG VĂN NAM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 1 năm 1953
Số bằng: YC 814 bp Quyết định số: 31/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978
- 82 Liệt sĩ: **HÒ VĂN GIÁC**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1961
Số bằng: ĐM 491km Quyết định số: 402/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977
- 83 Liệt sĩ: **HÒ VĂN TÀN**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 8 năm 1946
Số bằng: NC 845 kp Quyết định số: 854/TTga ngày 7 tháng 8 năm 1978
- 84 Liệt sĩ: **HÒ VĂN THẮNG**
Chiến sĩ giao liên xã Mỹ Lệ, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1969
Số bằng: 1G 739 cm Quyết định số: 1178/TTga ngày 12 tháng 10 năm 1977
- 85 Liệt sĩ: **HÒ XUÂN KHÔI**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 1 năm 1953
Số bằng: 1GC 082 bp Quyết định số: 632/TTga ngày 14 tháng 6 năm 1978
- 86 Liệt sĩ: **HUỖNH CÔNG NỜ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 12 năm 1985
Số bằng: BT 826 bt Quyết định số: 126/CTKT ngày 16 tháng 6 năm 1988
- 87 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN GIÀU**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước tháng 5 năm 1962
Số bằng: 1M 788km Quyết định số: 1306/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977
- 88 Liệt sĩ: **HUỖNH VĂN TÍNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An,

đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1969
Số bằng: 4B 725bm Quyết định số: 32/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1978

- 89 Liệt sĩ: **LẠI MINH HIỀN**
Công an huyện, Nguyên quán: xã Long Hòa, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 25 tháng 8 năm 1945
Số bằng: GC 689 cp Quyết định số: 20/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1978
- 90 Liệt sĩ: **LÂM VĂN CỘI**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Thuận Thành, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 7 năm 1951
Số bằng: QC 962 kp Quyết định số: 558/TTga ngày 30 tháng 7 năm 1979
- 91 Liệt sĩ: **LÂM VĂN ĐẾN**
Chủ tịch xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 3 tháng 11 năm 1952
Số bằng: ĐC 444 cp Quyết định số: 745/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1977
- 92 Liệt sĩ: **LÂM VĂN ĐỎ**
Du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1968
Số bằng: ĐM 494km Quyết định số: 402/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977
- 93 Liệt sĩ: **LÂM VĂN LAI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1968
Số bằng: 1V 920bm Quyết định số: 943/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1977
- 94 Liệt sĩ: **LÂM VĂN MÀU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1969
Số bằng: 7U 944bm Quyết định số: 154/TTga ngày 23 tháng 2 năm 1979
- 95 Liệt sĩ: **LÊ HÙNG SƠN**
Xã đội trưởng, Nguyên quán: xã Phước Thọ, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1970
Số bằng: 3V 549km Quyết định số: 241/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980
- 96 Liệt sĩ: **LÊ PHÁT VINH**
Cán bộ thôn, Nguyên quán: xã Long An, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 28 tháng 4 năm 1946
Số bằng: ĐC 035 cp Quyết định số: 572/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1977
- 97 Liệt sĩ: **LÊ TRUNG HẢO**
Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1968
Số bằng: EM 028km Quyết định số: 402/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977
- 98 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHÍNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1968
Số bằng: 5Y 358bm Quyết định số: 742/TTga ngày 12 tháng 7 năm 1978

99 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HÀNH**

Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 10 năm 1951
Số bằng: ĐE 931 kp Quyết định số: 27/TTga ngày 13 tháng 1 năm 1997

100 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HOA**

Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 6 năm 1952
Số bằng: HC 306 kp Quyết định số: 924/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1977

101 Liệt sĩ: **LÊ VĂN OANH**

Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 3 năm 1989
Số bằng: CR 368 bt Quyết định số: 77/CTKT ngày 19 tháng 3 năm 1991

102 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THÀNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Long Thọ, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 10 năm 1962
Số bằng: DK 134bm Quyết định số: 450/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1993

103 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THÚ**

Cán bộ binh vận xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1969
Số bằng: 2M 906 cm Quyết định số: 345/TTga ngày 5 tháng 4 năm 1978

104 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN ĐA**

Du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 2 năm 1951
Số bằng: HC 294 kp Quyết định số: 924/TTga ngày 24 tháng 8 năm 1977

105 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN QUỐC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1968
Số bằng: YL 199bm Quyết định số: 400/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977

106 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN TRÌ**

Đội viên du kích xã, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1968
Số bằng: ĐM 488km Quyết định số: 402/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

107 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH TÙNG**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Lệ, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1972
Số bằng: YL 198bm Quyết định số: 400/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977